LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình khoa học của sinh viên khi tốt nghiệp Đại học. Và để hoàn thành khóa luận, đòi hỏi rất lớn của bản thân mỗi sinh viên, sự giúp đỡ của thầy cô hướng dẫn, và sự động viên của gia đình, của bạn bè.

Khóa luận tốt nghiệp được hoàn thành, em xin chân thành cám ơn T.S Vũ Mạnh Hà, thầy luôn dành thời gian chỉ bảo cho em những kiến thức cần thiết, cung cấp những tài liệu tham khảo liên quan đến đề tài tốt nghiệp.

Em xin gửi lời cám ơn tới Ban lãnh đạo trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, các thầy cô trong khoa Văn hóa Du lịch đã quan tâm, hỗ trợ và truyền thụ những kiến thức quý báu cho em trong quá trình học tập tại trường, giúp em có cơ sở kiến thức để nghiên cứu, hoàn thành khóa luận. Đồng thời em cũng xin cám ơn tới Ban quản lý Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, thư viện trường Đại học Dân Lập Hải Phòng đã hỗ trợ, cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến đề tài.

Do thời gian nghiên cứu đối tượng có hạn, tài liệu tham khảo ít, trình độ người viết còn hạn chế, kinh nghiệm chưa nhiều nên không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự đánh giá, góp ý, bổ sung từ các thầy cô và các bạn.

Em xin chân thành cám ơn !

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2010.

Sinh viên

Nguyễn Thị Sen

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu 3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 4
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu 4
5. Phương pháp nghiên cứu 4
6. Cấu trúc của khóa luận 5
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ DU LỊCH THIỀN 6
1.1. Sự ra đời của đạo Phật tại Việt Nam 6
1.1.1. Sự ra đời của đạo Phật 6
1.1.2. Sự du nhập của Phật giáo vào Việt Nam 6
1.2. Thiền Tông 8
1.2.1. Khởi nguyên của Thiền Tông Trung Hoa 8
1.2.2. Thiền Tông Việt Nam 9
1.2.3. Các phương pháp tu Thiền tại Việt Nam 10
1.2.3.1. Đức Phật và thiền định của Phật giáo 10
1.2.3.2. Sự truyền bá các hoạt động thiền khác 12
1.2.3.3. Công dụng của thiền định với sức khỏe 16
1.3. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - Nét văn hóa tư tưởng đặc sắc đời Trần 17
1.3.1. Mạch nguồn thiền phái Trúc Lâm 17
1.3.2. Những nét nổi bật của dòng thiền Trúc Lâm 18
1.4. Du lịch Thiền 20
1.4.1. Khái niệm về du lịch Thiền 20
1.4.2. Đặc điểm của du lịch Thiền 21
1.4.3. Vai trò của du lịch Thiền 22
1.4.3.1. Về mặt kinh tế 22
1.4.3.2. Về mặt xã hội 23
1.5. Hoạt động du lịch Thiền trên thế giới và ở Việt Nam 23
1.5.1. Tại Thái Lan 23
1.5.2. Tại Trung Quốc 25
1.5.3. Tại Nhật Bản 26
1.5.4. Tại Ấn Độ 28
1.5.5. Hoạt động du lịch Thiền tại Việt Nam 29
Tiểu kết chương 1 31
Chương 2: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH THIỀN Ở THIỀN VIỆN TRÚC LÂM – YÊN TỬ 32

2.1. Khái quát về khu di tích, danh thắng Yên Tử 32
2.1.1. Khái quát về điểm du lịch Yên Tử 32
2.1.2. Tài nguyên du lịch tự nhiên 32
2.1.3. Tài nguyên du lịch văn hóa - nhân văn 34
2.2. Thiền viện Trúc Lâm - Yên Tử 36
2.2.1. Qúa trình xây dựng 36
2.2.2. Các giá trị của Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử 36
2.2.2.1. Giá trị lịch sử, văn hóa tư tưởng của Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử 36
2.2.2.2. Giá trị kiến trúc của Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử 38
2.2.2.3. Giá trị du lịch 44
2.3. Tiềm năng phát triển du lịch Thiền (Zen tourism) của Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử 45
2.4. Thực trạng hoạt động du lịch Thiền 48
2.4.1. Hoạt động tu thiền tại Thiền viện Trúc Lâm - Yên Tử 48
2.4.2. Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch Thiền 50
2.4.2.1. Giao thông 50
2.4.2.2. Hệ thống thông tin liên lạc 50
2.4.2.3. Hệ thống cung cấp điện nước 51
2.4.2.4. Các công trình kiến trúc 51
2.4.3. Lao động trong du lịch Thiền 52
2.4.4. Nguồn khách và khả năng đáp ứng của các nhà cung cấp 53
2.4.5. Hiện trạng các tour du lịch Thiền 55
Tiểu kết chương 2 57
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM PHÁT TRIỂN DU LỊCH THIỀN TẠI THIỀN VIỆN TRÚC LÂM – YÊN TỬ 58
3.1. Xây dựng nhận thức khai thác Zen tourism 58
3.2. Tạo nguồn khách thông qua các hoạt động hướng dẫn thực hành Thiền 58
3.3. Quy hoạch lại không gian du lịch Thiền của Thiền viện 59
3.4. Xây dựng sản phẩm du lịch Thiền tại Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử 59
3.4.1. Mở các khóa tu tập thiền dành cho mọi đối tượng 59
3.4.2. Đa dạng hóa các dịch vụ du lịch cho Zen tourism 59
3.5. Kiến nghị với Nhà nước, Bộ Thể thao văn hóa và du lịch, Tổng cục du lịch và các cấp chính quyền 61
Tiểu kết chương 3 62
KẾT LUẬN 63
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Du lịch vốn là một ngành dịch vụ cung cấp các sản phẩm dịch vụ đem lại nhiều lợi ích cho các đơn vị tổ chức đi du lịch, các điểm đến du lịch và người tiêu dùng những sản phẩm du lịch đó - khách du lịch. Với lợi thế của từng vùng và từng quốc gia trong việc khai thác các điều kiện, tiềm năng du lịch, phát triển các sản phẩm dịch vụ căn cứ nhu cầu của du khách thì một loạt các sản phẩm du lịch đã được cung cấp trong hai thế kỷ gần đây với nhiều dạng thức và mục đích đi du lịch khác nhau: du lịch nghỉ dưỡng, du lịch MICE, du lịch văn hóa, du lịch chữa bệnh, du lịch mạo hiểm, du lịch biển, du lịch thăm thân... và cùng với sự thay đổi nhận thức thế giới quan và sự phát triển của những tôn giáo, các loại hình thức du lịch tâm linh và du lịch hành hương ngày càng phát triển.

Phát triển du lịch tại khắp các Châu lục đã tạo điều kiện cho khách du lịch, các nền văn minh, các đặc trưng văn hóa, các công trình và tuyệt tác không chỉ của thiên nhiên mà có sự góp sức của bàn tay con người và những nghệ nhân qua các thời đại. Tuy nhiên, với nhu cầu ham hiểu biết của con người ngày càng tập trung vào các vấn đề không thuộc phạm vi của vật chất mà những hoạt động mang tính chất tôn giáo, tinh thần đặc biệt là các tôn giáo mang tính triết lý và trải nghiệm.

Với sự truyền giáo và duy trì của các tôn giáo trên thế giới, đạo Phật đã được biết đến không chỉ ở các nước khởi nguồn của Phật giáo mà đã lan rộng ra các nước Châu Á, Châu Âu. Khái niệm Thiền đang dần trở nên quen thuộc đối với tầng lớp học giả nghiên cứu tại các quốc gia, những tăng ni Phật tử và đã lan rộng ra mọi tầng lớp nhân dân đặc biệt là Việt Nam với sự du nhập của đạo Phật được xem như là từ thế kỷ thứ 3.

Với tiềm năng tài nguyên nhân văn và truyền thống Phật giáo tại các quốc gia như Nhật Bản, Thái Lan, Ấn Độ đã sử dụng hoạt động này trở thành một lợi thế du lịch cũng như hình thành một hình thức du lịch mới - Du lịch Thiền đem lại hiệu quả cho đất nước. Trong khi đó tại Việt Nam cũng có rất nhiều điều kiện để

có thể phát triển loại hình du lịch này nhưng chưa được các cấp các ngành và đơn vị tổ chức du lịch khai thác.

Du lịch Thiền là một hình thức du lịch phát triển mạnh ở các quốc gia Châu Á nói chung và các quốc gia theo Phật giáo nói riêng. Nội dung của các chương trình du lịch Thiền là tổ chức cho khách tham quan các công trình kiến trúc của đạo Phật, quan sát và tham gia vào cuộc sống sinh hoạt của các thiền sư, thưởng thức và chiêm ngưỡng những nét đặc sắc của các loại hình nghệ thuật Thiền như cắm hoa, trà đạo, bon sai, ẩm thực...

Ở Việt Nam, du lịch Thiền mới bắt đầu hình thành và phát triển với những tour du lịch tham quan chùa chiền, lễ hội, các quán cafe Thiền (Zen Cafe), công viên thiền (Zen Park), các khu Spa trong khách sạn lớn ở những thành phố lớn.

Với các quốc gia như Thái Lan, Nhật Bản, Ấn Độ... nguồn thu từ du lịch Thiền rất lớn và được các cấp chính quyền, hiệp hội và chính các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, người dân nhiệt tình tham gia vào loại hình du lịch này. Mặc dù du lịch thiền đang được đánh giá là sản phẩm du lịch mới lạ với nhiều doanh nghiệp lữ hành ở Việt Nam, nhưng nhiều chính sách của các cơ quan hữu quan cũng như sự năng động sáng tạo của công ty lữ hành cũng chưa đủ thuyết phục để hình thành nên loại hình du lịch hấp dẫn và bền vững với môi trường này.

Nước ta với bề dày 2000 năm phát triển của đạo Phật, triết lý Thiền hiện diện trong sâu thẳm văn hóa và lối sống của người Việt. Cùng với một hệ thống Thiền viện độc đáo trải khắp các địa phương, Việt Nam có điều kiện phát triển loại hình du lịch này, cả nước có khoảng 120 thiền viện, trong đó Trúc lâm Yên Tử (Quảng Ninh), Trúc Lâm Tây Thiên (Vĩnh Phúc), Bích Động (Ninh Bình) từ Đàm, Thiên Mụ (Huế), Từ Ân, Giác Lâm, Giác Viên (thành phố Hồ Chí Minh), Chùa Bà Đá, Chùa Trấn Quốc (Hà Nội) …

Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử mang trong mình giá trị lịch sử tâm linh vô cùng to lớn vì đây chính là nơi khởi nguyên của Phật giáo Việt Nam. Bên cạnh đó, Thiền viện còn chứa đựng những giá trị kiến trúc, mĩ thuật vô giá. Hiện nay, số người tìm đến các Thiền viện Trúc Lâm nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh và nhu

cầu tham gia tìm hiểu đang ngày một tăng, vì vậy nhằm giúp cho du khách cảm nhận sâu hơn về những giá trị của Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử khi khách hành hương về đây lễ Phật, người viết đã chọn đề tài "***Tìm hiểu về du lịch Thiền (Zen Tourism) ở Thiền viện Trúc Lâm - Yên Tử***". Người viết hi vọng thông qua những tìm hiểu của mình sẽ cung cấp một cái nhìn đầy đủ và hệ thống về lịch sử thiền tông Việt Nam, tìm hiểu giá trị lịch sử kiến trúc của Thiền viện và khả năng khai thác loại hình du lịch thiền. Người viết mong rằng đây sẽ là nguồn tư liệu để phục vụ cho hoạt động thuyết minh, hướng dẫn tại Thiền viện này đồng thời là một sự gợi mở về hướng khai thác một loại hình du lịch còn rất mới mẻ ở Việt Nam. Du lịch Thiền mà vẫn không làm mất đi tính chất thiêng liêng của hoạt động tôn giáo hướng về cội nguồn tâm linh.

2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu:

"*Thiền*" được coi là Phật giáo Trung Hoa nhưng đã phản chiếu được toàn vẹn tinh thần cơ bản của đạo Phật nguyên thủy tại Ấn Độ và tới Việt Nam nó được coi là nét son ngời chói trong lịch sử dân tộc. Do đó, không những Thiền đã không đi lạc ra ngoài Phật giáo mà còn đưa con người trở về với tinh thần nguyên sơ của đạo Phật. Ngày nay khi xã hội ngày càng phát triển, lối sống vội vã thực dụng với những tòa nhà công sở cao trọc trời, con người lại muốn trở về với nền văn hóa: độc đáo mang đậm tinh thần phương Đông mà vẻ đẹp đó chính là vẻ đẹp tinh thần lấp lánh và huyền diệu của thẩm mỹ Thiền Tông. Trên thế giới đã có rất nhiều tác phẩm nổi tiếng viết về Thiền như: Thiền Luận - Suzuki, chén trà Nhật Bản - Okakura kakuro... Ở Việt Nam cũng có nhiều tác giả nghiên cứu về Thiền tiêu biểu: Hương Thiền - Thiền sư Nhật Quang, Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX - Hòa thượng thiền sư Thích Thanh Từ, Zen tourism và khả năng phát triển Zen tourism ở Việt Nam - Lê Thu Hương... Nhưng chưa có tác phẩm nào thực sự đi sâu nghiên cứu về Thiền trong phát triển du lịch tại các Thiền viện, bởi đây là loại hình du lịch còn khá mới mẻ đối với nhiều quốc gia có loại hình du lịch phát triển trong đó có cả Việt Nam, phát triển du lịch Thiền mà không làm mất đi sự thanh tịnh, tính chất thiêng liêng, bản sắc văn hóa dân tộc, bản sắc mĩ thuật truyền thống đã và

đang là một đòi hỏi nghiêm túc được đặt ra, được nhiều cấp, ngành, cá nhân quan tâm tới du lịch Thiền phải chú ý.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

Trong chừng mực phạm vi và khả năng có thể, luận văn đưa tới một hệ thống lý luận cơ bản về loại hình du lịch Thiền nói chung và một số các hoạt động du lịch Thiền, hoặc có ứng dụng Thiền tại Việt Nam (tập trung ở phía Bắc). Từ đó, luận văn nghiên cứu tiềm năng để phát triển loại hình du lịch Thiền ở thiền viện Trúc Lâm - Yên Tử, thực trạng khai thác ứng dụng Thiền vào du lịch, xây dựng các tour, tuyến du lịch Thiền.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là loại hình du lịch Thiền hoặc có ứng dụng Thiền và những điều kiện để phát triển du lịch Thiền ở Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử.

Phạm vi nghiên cứu: Người viết không tiếp cận nghiên cứu sâu sắc các điểm trong khu di tích và danh thắng Yên Tử, nơi Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử tọa lạc mà chỉ điểm qua đôi nét về khu di tích. Trong bài viết của mình, người viết tập trung tìm hiểu giá trị lịch sử kiến trúc, tiềm năng phát triển du lịch Thiền, thực trạng khai thác du lịch tại thiền viện và của công ty lữ hành, từ đó đưa ra những định hướng, giải pháp phát triển loại hình du lịch này trong tương lai.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Thu thập thông tin, dữ liệu cơ bản từ các nguồn nghiên cứu chính thống trước đó về du lịch Thiền, các điều kiện phát triển du lịch Thiền tại Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử. Thu thập thông tin về những công ty lữ hành đang khai thác các sản phẩm du lịch Thiền ở Yên Tử, những yếu tố tác động đến hoạt động du lịch Thiền từ đó phân tích, tổng hợp dữ liệu.

Phương pháp thực địa: Trong quá trình tìm hiểu, người viết đã đi điền giã, khảo sát thực tế, tìm hiểu nghiên cứu tại Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử và chụp hình các công trình Thiền viện làm căn cứ.

6. Cấu trúc của khóa luận:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu thành ba chương chính:

Chương 1: Mấy vấn đề lý luận về du lịch Thiền.

Chương 2: Tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch Thiền ở Thiền viện Trúc Lâm - Yên Tử.

Chương 3: Một số khuyến nghị nhằm phát triển du lịch Thiền tại Thiền viện Trúc Lâm - Yên Tử.

CHƯƠNG I:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ DU LỊCH THIỀN

1.1. Sự ra đời của đạo Phật tại Việt Nam:

1.1.1. Sự ra đời của đạo Phật:

Đức Phật sống vào khoảng thế kỷ thứ VI trước công nguyên tại vùng Bắc Ấn Độ. Ngài vốn là một vị Hoàng tử của Vương quốc Sakya tại chân dãy núi Hymalaya, ngày nay thuộc Nepal. Cuộc sống của ngài rất sung sướng, ngài kết hôn với công chúa Yasodhara và có một con trai là Rahula. Mặc dù sống trong nhung lụa nhưng Ngài luôn trăn trở về những mặt đen tối của xã hội Ấn Độ lúc đó, nỗi đau khổ của đồng loại, sự bất bình đẳng giai cấp trong xã hội, tính vô thường của sự việc thông qua các cảnh vật đã làm thay đổi tư duy của ngài. Ngài thấy một người già run rẩy, người bệnh rên siết và một người chết khiến cho con người ta thoát khỏi quá trình sinh lão bệnh tử, và ngài cũng thấy một vị chư tăng, ngài nảy sinh việc kiên quyết đi tìm chân lý thoát khỏi bể khổ của loài người.

Ngài rời bỏ cuộc sống vương giả để đi tu tập tìm con đường diệt khổ. Khi ngồi Thiền dưới gốc cây bồ đề ngài đã tìm được lời giải đáp và giác ngộ, lúc đó ngài 35 tuổi. Sau đó, Đức Phật đi tu hành khắp nơi để thuyết pháp và giảng dạy về con đường giác ngộ cho những ai hữu duyên và sẵn sàng tu học.

Tăng đoàn do đức Phật thành lập ngày càng lớn mạnh, giáo pháp của ngài được truyền đạo đến hết thảy dân chúng mà không dành riêng cho tầng lớp nào cả, không như đạo Bà La Môn chỉ dành cho các nhà quý tộc Ấn Độ thời đó. Sau khi ngài nhập Niết bàn, giáo pháp và đạo của ngài đã được truyền bá khắp nơi và sang cả các quốc gia ở những châu lục khác.

1.1.2. Sự du nhập của Phật giáo vào Việt Nam:

Với điều kiện cơ bản để phát huy được du lịch Thiền chính là nền tảng của đạo Phật tại quốc gia đó. Để hiểu rõ hơn về du lịch Thiền tại Việt Nam, chúng ta cần tìm hiểu rõ hơn về Phật giáo tại Việt Nam.

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, ngay từ đầu công nguyên với truyện cổ tích Chử Đồng Tử học đạo của một nhà sư Ấn Độ. Luy Lâu (thuộc

tỉnh Bắc Ninh ngày nay) là trụ sở của quận Giao Chỉ từ thời đầu phong kiến đô hộ phương Bắc sớm trở thành trung tâm Phật giáo quan trọng. Các truyền thuyết về Thạch Quang Phật và Man Nương Phật Mẫu xuất hiện cùng với sự giảng đạo của Khâu Đà La trong thời gian 168 - 189.

Do tiếp thu Phật giáo trực tiếp từ Ấn Độ nên từ Buddha (bậc giác ngộ) được phiên âm trực tiếp thành Bụt, từ Bụt được dùng nhiều trong các chuyện dân gian. Phật giáo và thời điểm đó mang màu sắc Phật giáo Tiểu thừa, Bụt được coi như là một vị thần chuyên đi cứu giúp người tốt, trừng phạt kẻ xấu. Sau này vào thế kỷ thứ IV - V, do ảnh hưởng của Phật giáo Đại Thừa đến từ Trung Quốc mà từ Bụt mất dần đi và thay vào đó là từ Phật.

Phật giáo ăn sâu, bám rễ vào Việt Nam từ rất sớm. Thời nhà Lý, nhà Trần, Phật giáo phát triển cực thịnh được coi là quốc giáo, ảnh hưởng đến mọi mặt của cuộc sống. Đến thời nhà Hậu Lê thì Nho giáo được coi là quốc giáo và Phật giáo đi vào giai đoạn suy thoái. Đầu thế kỷ thứ 18, vua Quang Trung cố gắng chấn hưng đạo Phật, chỉnh đốn xây chùa, nhưng vì mất sớm nên việc này không có nhiều kết quả. Đến thế kỷ 20, mặc dù ảnh hưởng mạnh của quá trình Âu hóa, Phật giáo Việt Nam lại phát triển mạnh mẽ khởi đầu từ các đô thị miền Nam với các đóng góp quan trọng của các nhà sư Khánh Hòa và Thiện Chiếu.

Với các hoạt động của Phật giáo trong suốt thời gian truyền bá tại Việt Nam và các biến cố của lịch sử, Phật giáo Việt Nam tính đến thời điểm hiện nay tạm thời được phân ra làm bốn giai đoạn chính sau:

Giai đoạn 1: Từ đầu Công nguyên đến hết thời kỳ Bắc thuộc (Thế kỷ X) là giai đoạn hình thành và phát triển rộng khắp.

Giai đoạn 2: Thời kỳ Đại Việt là giai đoạn cực thịnh.

Giai đoạn 3: Từ thời Hậu Lê đến cuối thế kỷ XIX là giai đoạn suy thoái.

Giai đoạn 4: Từ đầu thế kỷ XX đến nay là giai đoạn Phục hưng.

Đạo Phật sau khi được truyền bá vào Trung Quốc đã phát triển, hình thành các tông phái khác nhau và cũng theo đó truyền bá vào Việt Nam trong đó nổi bật là tác động của 3 tông phái lớn: Thiền Tông, Tịnh Độ Tông và Mật Tông.

Như vậy, Phật giáo đến Việt Nam từ rất sớm và trải qua nhiều giai đoạn phát triển đặc biệt là thời gian phát triển dưới thời Lý và tiếp đến triều Trần để rồi Việt Nam có dòng Thiền Tông riêng biệt với sự hợp nhất các thiền phái của Phật Hoàng Trần Nhân Tông để hình thành thiền phái Trúc Lâm. Quan trọng nhất, Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc đem lại giá trị đạo đức xã hội trong suốt thời gian tồn tại ở Việt Nam. Ngoài ra Phật giáo còn góp phần không nhỏ trong các giá trị văn hóa còn lại đến hiện nay như các công trình điêu khắc mang đậm nét văn hóa, các công trình kiến trúc có tính thẩm mỹ cao, các tác động của Phật giáo vào nếp sống, giáo dục nhân cách con người...

Chính các giá trị tinh thần, giá trị văn hóa to lớn qua tác động truyền bá của Phật giáo đã đem lại một kho tàng nhân văn để các thế hệ tiếp sau biết được các hoạt động phát triển của Phật giáo của thế hệ đi trước và cũng là nguồn tài nguyên du lịch nhân văn để giới thiệu với bạn bè năm châu về hoạt động không chỉ mang tính chất tôn giáo thuần túy mà còn mang tính xã hội rất cao, và với khía cạnh du lịch là nguồn tài nguyên hấp dẫn để khai thác, đem lại nguồn thu bền vững cho nền kinh tế.

1.2. Thiền Tông:

1.2.1. Khởi nguyên của Thiền Tông Trung Hoa:

Trong các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Thiền Tông là tông phái có tầm ảnh hưởng quan trọng nhất đối với toàn bộ hệ thống tư tưởng Phật giáo Trung Quốc từ đời Đường trở về sau. Nếu xét từ cội nguồn thì hai phái chính trong hệ thống Thiền Tông là Như Lai Thiền và Tổ Sư Thiền. Như Lai Thiền được xem là phương pháp tu thiền có cội nguồn từ Phật giáo Ấn Độ, trong khi Tổ Sư Thiền lại có khuynh hướng được xem là sáng tạo riêng của Phật giáo Trung Quốc và khởi nguyên với sự hiện diện của Ngài Bồ Đề Đạt Ma.

Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) là thái tử thứ 3, con vua Kancipura xứ Nam Ấn. Theo lời dạy của thầy là ngài Bát Nhã Đa La (Prajnàtara), Ngài sang Trung Quốc vào đời Lương, khoảng năm 470 - 520. Theo phổ hệ truyền thừa của Thiền Tông Ấn Độ, từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đến đời Ngài là thứ 28, nhưng Ngài

được xem là người khai sáng của phổ hệ truyền thừa Thiền Tông Trung Quốc gồm: 1/Bồ Đề Đạt Ma. 2/Huệ Khả (? - 593). 3/Tăng Xán (? - 606). 4/Đạo Tín (580 - 651). 5/Hoằng Nhẫn (602 - 675). Bắt đầu từ ngài Hoằng Nhẫn, Thiền Tông Trung Quốc đã bắt đầu phát triển cực mạnh với sự truyền giảng của hai ngài Thiền Tú (605 - 706) và Huệ Năng (được xem là Tổ thứ 6 của Thiền Tông Trung Quốc, 638 - 713). Ngài Thần Tú truyền giáo ở phương Bắc nên dòng thiền này gọi là dòng thiền Bắc tông. Tương tự dòng thiền của Huệ Năng được gọi là dòng thiền Nam tông. Thiền Bắc tông chủ trương giáo pháp tiệm ngộ (sự bừng sáng của trí tuệ giải thoát có được theo quá trình tu tập thứ lớp) nên được coi là "*Bắc tiệm*". Trong khi đó thiền Nam tông lại có mục tiêu đốn ngộ (giác ngộ ngay, không theo thứ lớp) nên được gọi là "*Nam đốn*". Trong các thời đại sau đó, thiền phái của ngài Huệ Năng phát triển rất mạnh và phân thành 5 tông phái là Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn. Lâm Tế tông sau lại chia thành hai phái là Hoàng Long và Dương Kỳ. Năm tông trên, thêm vào hai phái sau thường được sử viết là "*Ngũ gia thất tông*".

Vào các thời đại Nguyên, Minh, Thanh, trong khi một số tôn phái khác bị suy thoái dần do sự du nhập và phát triển mạnh mẽ của Lạt Ma giáo Tây Tạng thì Thiền Tông lại trở thành tông phái phổ biến nhất. Từ Trung Hoa dân quốc đến nay, Thiền Tông vẫn là một tông phái chủ đạo của Phật giáo Trung Quốc.

1.2.2. Thiền Tông Việt Nam:

Thiền có nghĩa là tĩnh tâm, chủ trương tập trung trí tuệ để quán định (thiền) nhằm đạt đến chân lý giác ngộ của đạo Phật. Theo Thiền Tông, "*thiền*" không phải là "*suy nghĩ*" vì suy nghĩ là "*tâm vọng tưởng*", làm phân tâm và mầm mống của sanh tử luân hồi. Cách tu theo Thiền Tông đòi hỏi phải tập trung toàn bộ công sức và thời gian cộng với khả năng đốn ngộ. Yêu cầu đó chỉ có kẻ căn cơ cao mới có được nên người tu thiền thì nhiều nhưng người chứng ngộ quả thực hiếm hoi. Tuy nhiên, lịch sử Thiền Tông ở Việt Nam cũng có một lịch sử rõ ràng hơn cả.

Dòng thiền tu thứ nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam do nhà sư Tì Ni Đa Lưu Chi lập ra. Ông là người Ấn Độ, qua Trung Quốc rồi đến Việt Nam năm 580,

tu tại chùa Pháp Vân (hay chùa Dâu), thuộc huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh và truyền cho Tổ thứ hai là Pháp Hiền. Dòng thiền này được truyền đến 19 thế hệ. Dòng thiền thứ hai do Vô Ngôn Thông, người Trung Quốc lập ra năm 820, tu tại chùa Kiến Sơ, thuộc xã Phù Đổng - huyện Gia Lâm, Hà Nội. Dòng thiền này được truyền bá đến 17 đời. Dòng thiền thứ 3 do Thảo Đường người Trung Quốc, vốn là tù binh bị bắt tại Chiêm Thành và được vua Lý Thánh Tông giải phóng khỏi kiếp nô lệ và cho mở đạo tại chùa Khai Quốc vào năm 1069. Dòng thiền nay được truyền đến 6 đời. Năm 1299, vua Trần Nhân Tông, dưới sự hướng dẫn của thiền sư Tuệ Trung Thượng Sỹ, xuất gia và lên tu ở núi Yên Tử, thuộc huyện Đông Triều - Quảng Ninh, thống nhất các thiền phái tồn tại trước đó lập nên thiền phái Trúc Lâm. Sau này, một số thiền phái khác xuất hiện như Tào Động dưới thời Trịnh Nguyễn, phái Liên tôn vào thế kỷ 16 - 19 (có trụ sở tại chùa Bà Đá và chùa Liên Phái, Hà Nội), phái Liễu Quán (một vị tổ dòng Lâm Tế) vào thế kỷ 18 ở miền Trung, phái Lâm Tế dưới thời nhà Nguyễn (miền Trung, sau này phát triển ở miền Nam).

Thiền tông Việt Nam cốt lõi đề cao cái "*tâm*", "*Phật ở tại tâm*", tâm là Niết bàn, hay Phật. Phật Hoàng Trần Nhân Tông đã từng viết:

"*Nơi mình có ngọc tìm đâu nữa*
Trước cảnh vô tâm, ấy đạo Thiền" [1]

(Lê Mạnh Thát, Nghiên cứu về thiền tuyển tập anh, tr 121)

1.2.3. Các phương pháp tu Thiền tại Việt Nam:

1.2.3.1. Đức Phật và thiền định của Phật giáo:

Căn cứ theo sự phát triển của các học phái mà nói, Phật giáo Đại thừa hay Tiểu thừa, trên thực tế đều khởi nguồn từ sự tu chứng thiền định. Đức Phật khai sáng Phật giáo trên căn bản là cũng nương theo thiền mà ngộ đạo và dạy lại cho các đệ tử.

Phật Thích Ca sau khi xuất gia theo tu học Thiền định với hai vị thầy của phái số luận và mỗi thầy đều lấy một cảnh giới trong tứ thiền để làm cứu cánh. Nhưng Đức Phật không cho rằng hai cảnh giới định này không đi đến sự giải thoát nên cuối cùng ngài ngồi Thiền định dưới gốc cây Bồ đề và khai ngộ thành bậc Vô

thường chính giác, đây chính là khởi nguyên của Thiền định Phật giáo. Đức Phật Thích Ca nương theo thiền quán mà thành Phật. Ngài cũng yêu cầu đệ tử của ngài tu học thiền quán. Trong thời Phật giáo nguyên thủy, Thiền định là pháp môn cực kỳ quan trọng. Đối với Đức Phật Thích Ca mà nói, chỉ có thiền định mới là phương pháp trực tiếp nhanh chóng giúp người ta ngộ đạo giải thoát. Tứ Diệu Đế, thập nhị nhân duyên là giáo lý cơ bản của Phật giáo nguyên thủy, cách thuyết pháp của họ có thể nói cũng căn cứ trên thực tế của sự tu tập Thiền định mà ra.

Đức Phật Thích Ca cũng là người đầu tiên hệ thống hóa hoàn toàn phương pháp và hình thức tu học thiền định. Thiền định trước khi Phật giáo được sáng lập, các phương pháp như phép tọa, phép quán, cho đến phép điều thân, điều tức, điều tâm đều không xác định và không nhất quán, xuất hiện những hiện tượng chi ly, vụn vặt. Thiền định của Phật giáo thì từ giai đoạn bắt đầu chuẩn bị tu hành đến giai đoạn đại ngộ viên mãn tối hậu đều có một hệ thống tu học hoàn chỉnh. Phép Thiền định của Đức Phật Thích Ca và của các giáo phái khác về căn bản có những điểm khác nhau, Ngài không lấy "*khổ hạnh*" làm phương cách, cũng không lấy "*thần thông*" làm mục đích. Mà là dùng Thiền định để thống nhất tinh thần, sinh ra tuệ quán, để đạt được chính trí bát nhã. Cho nên Thiền định có thể nói là tiến trình quan trọng của sự chứng đắc trí tuệ bát nhã mà không chờ kết quả.

Việc Thiền định của Phật giáo hiện nay tại Việt Nam được chia thành Thiền Định và Thiền Minh Sát (Vipassana). Thiền định là phương pháp gom tâm trụ nó vào một đề mục cố định để giữ cho tâm được vắng lặng, còn Thiền Minh Sát quan sát các đề mục của Thiền Minh Sát để thấy được sanh diệt của danh sắc và ngũ uẩn, qua đó kinh nghiệm được vô thường, khổ và vô ngã để cuối cùng chứng đắc các tầng tuệ Minh Sát, đạt được Giải Thoát, Niết Bàn và hai phương pháp thiền khác nhau ở những điểm sau:

Thiền Định:

- Định của Thiền Định là tâm sở nhất tâm, trụ tâm nằm trên một đề mục cố định duy nhất.

- Đề mục của Thiền định là tục đế (chế định), không có sinh diệt.

- Thiền định sử dụng đại định, kiên cố định và an chỉ định.

- Thiền định chỉ giúp tạm thời đè nén, khống chế phiền não.

Thiền Minh Sát:

- Định của thiền quán là tâm sở nhất hành, thực hành thiền Minh Sát, hành giả có khả năng định trên nhiều đối tượng khác nhau.

- Đề mục của thiền Minh Sát là chân đế, có sinh diệt.

- Thiền Minh Sát sử dụng cận định và sát na định.

- Thiền Minh Sát khổ tận gốc rễ phiền não và tham ái.

1.2.3.2. Sự truyền bá các hoạt động thiền khác:

Khi nói đến Thiền ai cũng nghĩ đến Thiền Tông của Phật giáo, hay với những người đã từng tu tập Thiền sẽ nghĩ đến các phương pháp tu thiền, hay các pháp môn tọa thiền như: Thiền Tứ niệm xứ, Thiền Minh Sát, thiền quán niệm hơi thở mà chúng ta vẫn được thấy, được nghe qua như trên... Tuy vậy, đối với một số các hoạt động được truyền từ xa xưa đến nay như Yoga hay các hoạt động phái sinh từ sự kết hợp của Thiền với các tín ngưỡng bản địa tại Nhật đã tạo ra lối sống thiền, phong cách thiền, trà đạo, vườn thiền, nghệ thuật thiền: hội họa, điêu khắc, âm nhạc...

*** Hoạt động thiền Yoga:**

Yoga có nguồn gốc từ Ấn Độ và nó cũng được coi là một trong các hệ thống triết lý tồn tại lâu đời nhất trên thế giới. Cách đây khoảng 5000 năm, Đức Sadashiva đã được hệ thống kiến thức về khoa học thiền, được biết với cái tên Tantra Yoga. Tantra được hình thành như một khoa học toàn diện về cuộc sống, bao gồm mọi khía cạnh liên quan đến việc phát triển cá nhân và xã hội. Từ "*tantra*" có nghĩa là "*cái để giải thoát khỏi sự ngu dốt*", vì thế các bài tập của nó được đặt căn bản trên một phương pháp có hệ thống và khoa học để đưa con người đạt đến giác ngộ về tinh thần. Các bài tập của nó không những chỉ giới hạn trong Thiền và Yoga mà còn được mở rộng sang các lĩnh vực nghệ thuật, âm nhạc, văn chương, y học, khiêu vũ và ý thức về môi trường. Nói tóm lại, Tantra là một con đường để tiếp cận cuộc sống.

Kể từ đó, môn Yoga vẫn được tiếp tục bổ sung và ngày càng phát triển phong phú với nhiều hệ phái khác nhau, nó có xu hướng tách ra khỏi sự ràng buộc của các tôn giáo và chính vì đó mà nó vẫn tồn tại qua hàng ngàn năm, đồng thời nó còn phát triển không chỉ ở tại Ấn Độ mà còn lan rộng sang hầu hết các quốc gia châu lục.

Yoga khi phát triển đã được truyền bá và hình thành nhiều phái hệ khác nhau thông qua các phương pháp luyện tập và quan điểm lý luận. Yoga phiên âm là Du gia (nhưng từ Yoga dùng thông dụng nhất), gốc tiếng Phạn có nghĩa là đặt dưới mình một cái ách, điều ngự, cột thắt lại, chuẩn bị, chuyên chú. Theo nghĩa này thì Yoga là luyện thân, luyện tâm, giúp hành giả nâng cao năng lực thân tâm cũng như hoạt động của chúng trong chính mình, điều hòa chúng để rồi có thể tiến đến cấp bậc hoàn hảo tâm linh.

Nguyên tắc thực hành Yoga là tư thế thân, điều chế các giác quan và tâm thức, cách điều vận hơi thở... Trước hết, phải giữ vững tư thế của thân thể, các bộ phận ở phía trên người gồm ngực, vai và đầu phải thẳng tắp, rồi hướng các giác quan và tâm lý vào trái tim. Kế đó là sự kiểm soát hơi thở. Thực tập cho đến khi nào các hơi thở trở thành trầm tĩnh, nhẹ nhàng, qua các lỗ mũi. Nhờ đó mà thu thúc tâm ý, như buộc chặt con ngựa chứng vào cỗ xe. Hành giả được khuyến cáo là nên thực tập Yoga trong một hàng đá cản được gió cao, hay tại một nơi cao ráo, trong sạch, không bị gây trở ngại bởi các tiếng động, của nước chẳng hạn, nơi mà tâm trí có thể dễ dàng thơ thới, con mắt không bị gây khó chịu. Kết quả tiến bộ đầu tiên của Yoga là sự khinh an và sảng khoái, tráng kiện của thân thể, vắng bặt han muốn, da tươi nhuận, âm thanh êm tai, hương vị dịu ngọt.

Yoga là sự diệt trừ các tác dụng của tâm, cho đến khi phẩm tính được thu hồi trở lại trạng thái nguyên sơ, không bị ràng buộc và chi phối bởi thế giới vật chất. Các tác dụng của tâm trên bình diện tri thức gồm cả hai khía cạnh, hoặc đau khổ hoặc không đau khổ. Tu tập là nỗ lực đưa các tác dụng tâm này xuôi theo dòng thiện, ở trong chiều đó, nhờ phân biệt chính trí mà ta diệt trừ các tác dụng từng ý vốn là bất thiện, gây đau khổ.

Yoga có nhiều môn phái, sau đây là vài môn phái chính:

1-HATHA YOGA là một khoa luyện âm dương hợp nhất. Nó giống khoa luyện khí công của người Trung Hoa. Vần HA tiêu biểu cho Mặt Trời là Dương. Vần THA tiêu biểu cho Mặt Trăng là Âm. Khoa này dùng phương pháp hô hấp và phương pháp thể dục để thu thập sinh lực vào cơ thể mình. Có thể gọi nó là Khoa Luyện Trường Sinh. Ngày nay môn Yoga phổ biến và thịnh hành ở các nước Tây Phương là Hatha Yoga.

2-KARMA YOGA là con đường Hành động. Người tập Karma Yoga tin tưởng sự hiện hữu hiện tại là do các hành động của quá khứ (Nghiệp) nên cố gắng hành động tốt, tạo nhân tốt để được quả tốt ở đời sau.

3-JNANA YOGA là con đường Minh Triết, luyện tập trí tuệ thông minh và hiểu biết sâu sa.

4-BHAKTI YOGA là con đường Sùng Tín (Sùng Đạo) hay là con đường của Tình Thương. Người thực tập Bhakti Yoga sẽ thấy thượng đế ở trong tất cả mọi người nên không ganh ghét và hận thù bất cứ ai.

5-LAYA YOGA cũng gọi là Kundalini Yoga vì Yoga này chuyên lo mở luồng Hỏa Hầu Cung, nó ảnh hưởng tới các Luân Xa.

6-MANTRA YOGA dùng Thần Chú làm cho cái Trí trở nên yên tịnh và còn nhiều sự hữu ích khác. Môn phái này thường bị hiểu lầm là tà đạo vì sử dụng những công thức kỳ quặc, khó hiểu. Thực ra người thực hành Mantra Yoga phải tập nhân thức toàn diện và từ bỏ dục vọng, sống trong sạch, khiêm tốn, hiến dâng, dũng cảm, thiện tâm.

7-KRIYA YOGA tu theo cách khổ hạnh nhưng cũng học hỏi, cũng thờ phụng, cũng hiến dâng. Kriya Yoga tăng tuổi thọ và mở rộng tâm thức, nó kiểm soát trực tiếp tinh thần nhờ sinh lực. So sánh với con đường chậm chạp và không chắc chắn của Thần học thì Kriya Yoga giống như chiếc máy bay với cỗ xe ngựa đời xưa.

Một Yogi (người tập luyện Yoga) muốn đạt đến đỉnh cao phải qua ngưỡng cửa của Hatha Yoga. Hatha Yoga là nền tảng của tất cả các môn Yoga, là cân bằng

giữa căng và giãn, vận động và nghỉ ngơi. Gọi Hatha Yoga là dưỡng sinh tức là đánh thấp giá trị cuả nó vì trong Hatha Yoga có các môn khác và trong các môn khác đều có Hatha Yoga. Dù ở vào pháp môn nào, các bước căn bản mà một Yogi phải theo là:

1- Giới (Yama) hay cấm chế. Những điều răn cấm không được vi phạm, có 5: không sát sanh, không nói dối, không trộm cướp, không tà dâm và không tham. Những răn cấm này được coi là có giá trị phổ biến, không hạn chế trong không gian, thời gian hay hoàn cảnh.

2- Luật (Niyama) hay khuyến chế. Thực hiện các khuyến cáo: Thanh tịnh, tri túc, khổ hạnh và tưởng niệm Thượng đế.

3- Điều thân (Asana) là điều nói về các tư thế, chẳng những làm chủ cơ thể mà còn phục hồi lại tất cả lệch lạc do đời sống mang lại đối với thể chất, tinh thần và tình cảm.

4- Điều khí (Pranayama) kiểm soát và điều hòa hơi thở sau khi thân thể đã ngồi vững.

5- Điều tâm (Pratyahara) hay chế cảnh, chế ngự các cảm quan và tách chúng ra khỏi những đối tượng ngoại giới, không buông thả chúng theo bản chất vốn luôn luôn hướng đến các đối tượng.

6- Tập trung (Dharana) hay chấp trì. Sau khi đã chế ngự được các cảm quan, tâm không còn tán loạn theo ngoại giới, bấy giờ chuyên chú trên một đối tượng của tu tập. Tâm phải an trụ vững vàng, không dao động. Trạng thái phải nhẹ nhàng, khoan thai.

7- Thiền (Dhyana) hay tĩnh lự. Thiền là trạng thái kéo dài của tập trung cộng thêm sự suy nghiệm đối tượng, sống với đối tượng đó, hay nói chính xác hơn là cá nhân thẩm thấu trong đối tượng hoặc đối tượng thẩm thấu trong cá nhân đến mức độ không còn là hai vật thể riêng biệt.

8- Định (Samadhi: tam ma địa, tam muội) hay đẳng trì, trạng thái hoàn toàn tập trung tư tưởng. Đây là giai đoạn cuối cùng của Yoga. Trong giai đoạn tĩnh lự, vẫn còn có sự phân biệt giữa năng và sở, nhưng đến đây sự phân biệt ấy biến mất,

tâm hoàn toàn thể nhập làm một với đối tượng. Giai đoạn này là niềm mơ ước không những của các yogi mà còn của các tín đồ các tôn giáo khác.

Hoạt động Yoga được nghiên cứu, áp dụng nhiều vào trong các hoạt động của cuộc sống hiện đại ngày nay: Chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh, rèn luyện tâm trí... ở hầu hết các nước phát triển đều có các trung tâm tập luyện Yoga và phần lớn theo trường phái Hatha Yoga để tập luyện.

1.2.3.3. Công dụng của thiền định với sức khỏe:

Thiền định có nhiều phương pháp nhằm phát triển chính niệm, tập trung, thanh tịnh, tỉnh giác và tột đỉnh giác ngộ giải thoát. Những kĩ thuật hành thiền cơ bản được ghi chép trong nhiều kinh sách, cũng như được truyền thừa và đa dạng hóa hàng ngàn năm. Trên phương diện sức khỏe, thiền định được xem như một nghệ thuật thư giãn, trong cố gắng giảm thiểu sự căng thẳng bức xúc, đau đớn, tạo cảm giác an lạc, giúp quân bình thân tâm và trị liệu các chứng bệnh. Chỉ riêng trong Phật giáo cũng đã có hơn 8 vạn 4 ngàn pháp môn tu tập và số lượng phương pháp hành thiền cùng những chứng bệnh nan y cứ tiếp tục leo thang theo đà phát triển của khoa học kỹ thuật. Trong 5 thập niên qua, khoa học và y học ngày càng chú ý đến Thiền, với nhiều nghiên cứu để được xem như là phương pháp trị liệu bổ sung - thay thế đối với nhiều bệnh trạng khác nhau như trầm cảm, căng thẳng, lo sợ, mất trí nhớ, đau nhức, mệt mỏi, mất ngủ, cảm cúm, ung thư, aids (sida), tê khớp, tim mạch, viêm gan, tiểu đường, suyễn, nghiện ngập, tăng tiến tuổi thọ,...

Ngay chính những tư tưởng tiêu cực, căng thẳng, xúc động và ưu phiền trong cuộc sống làm cho bệnh trạng càng thêm trầm trọng và nguy hiểm. Thiền định chú trọng và có tác dụng làm cho thân tâm được lắng dịu thanh tịnh, từ đó những trăn trở, khổ đau do bệnh tật gây nên cũng được thuyên giảm hay tiêu trừ. Trong thời buổi văn minh tiến bộ này, không phải tất cả mọi sự kiện đều được khoa học giải thích rõ ràng, hoặc những gì được khoa học chứng minh đều là đúng. Tuy vậy, "*nói có sách, mách có chứng*" hay căn cứ vào những gì đã được nghiên cứu và công nhận thì vẫn được nhiều người nghe hơn.

Qua nhiều kết quả nghiên cứu, các hoạt động tập luyện từ việc tu tập thiền định đến tập Yoga ở khắp các quốc gia trên thế giới: Nepal, Ấn Độ, Mỹ, Pháp, Đức, Thái Lan, Inđônêxia, Myanma, Hàn Quốc... và Việt Nam từ các trung tâm riêng biệt hoặc phối hợp với các khách sạn cao cấp, khu Spa sang trọng... đã khẳng định các công dụng của thiền định với sức khỏe và các hoạt động xã hội, kinh tế gắn với việc phát triển thiền định cần được quan tâm và phát triển.

1.3. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - Nét văn hóa tư tưởng đặc sắc đời Trần

1.3.1. Mạch nguồn thiền phái Trúc Lâm:

"Phật giáo Trúc Lâm là một nên Phật giáo độc lập, uy tín, tinh thần của nó là uy tín tinh thần quốc gia Đại Việt. Nó là xương sống của một nền văn hóa Việt Nam độc lập. Nền Phật giáo này tuy có tiếp nhận những ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa, Ấn Độ và Tây Tạng nhưng vẫn giữ cá tính đặc biệt của mình".

Thiền phái Trúc Lâm vốn dung hợp ba dòng thiền đã có từ trước là:

+ Tỳ - ni - đa - lưu - chi: Thế kỷ VI

+ Vô Ngôn Thông: Thế kỷ IX

+ Thảo Đường: Thế kỷ XI

Thiền phái Trúc Lâm ra đời tại Yên Tử. Người xưa gọi là Thiền phái Trúc Lâm có thể có hai lý do:

- Yên Tử có nhiều trúc.

- Lấy tên từ Ấn Độ: Trúc Lâm tịnh xá tổ ban đầu của dòng truyền Yên Tử là Thiền sư Thường Chiếu, trước ở núi Từ Sơn, sau mới đến Yên Tử. Nhưng thực sự thiền Trúc Lâm phổ biến và thành một thiền phái từ khi vua Trần Nhân Tông lên Yên Tử tu hành trở thành Điều Ngự Giác Hoàng đệ nhất tổ của Thiền Trúc Lâm Yên Tử. Trước đó đã có 5 vị tổ là:

Thiền sư Hiện Quang

Quốc sư Trúc Lâm

Quốc sư Đại Đăng

Thiền sư Tiêu Diêu

Thiền sư Huệ Tuệ

Xét theo dòng truyền thì vua Trần Nhân Tông thuộc thế hệ thứ 6. Vua Trần Nhân Tông là người đã thống nhất các thiền phái đã có thành một thiền phái Trúc Lâm. Chính vì vậy, sư tổ của thiền phái Trúc Lâm chính là vua Trần Nhân Tông. Từ đây, Việt Nam đã thực sự có một dòng thiền Phật giáo của người Việt do chính người Việt làm tổ.

Nội dung cơ bản của dòng thiền Trúc Lâm là Phật ở trong tâm, kế thừa tinh hoa của đạo Phật Ấn Độ và Thiền Tông Trung Quốc, được cải biên để phù hợp với đặc điểm tâm lý, điều kiện kinh tế xã hội của dân tộc Đại Việt. Thiền phái Trúc Lâm chủ trương xây dựng một xã hội đạo đức mà ở đó con người ai cũng tu sửa chính nơi mình.

1.3.2. Những nét nổi bật của dòng thiền Trúc Lâm:

Nếu coi Yên Tử là một cơ thể sống trọn vẹn thì các công trình kiến trúc văn hóa tôn giáo Yên Tử, rừng cảnh quan Yên Tử là phần xác, Thiền phái Trúc Lâm là phần hồn Yên Tử. Dòng thiền Trúc Lâm là một dòng thiền mang đậm bản sắc dân tộc và từng làm một bước đột phá trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Thiền phái Trúc Lâm kế thừa tinh hoa của đạo Phật Ấn Độ và Thiền Tông Trung Quốc, được cải biên để phù hợp với đặc điểm tâm lý, điều kiện kinh tế xã hội của dân tộc Đại Việt. Tư tưởng Phật giáo đời Trần nói chung và dòng Thiền Trúc Lâm nói riêng được xem là đỉnh cao của Phật giáo Việt Nam, nó góp phần tạo ra sức mạnh thần kỳ trong ba cuộc chiến thắng quân Nguyên - Mông xâm lược của quân dân Đại Việt. Đó là sức mạnh của tình đoàn kết, của tình yêu quê hương đùm bọc lẫn nhau, sức mạnh của ý chí tự cường, sức mạnh của tinh thần, của trí tuệ...

Phật giáo Việt Nam từ thế kỷ VII -> XVIII do Thiền tông lãnh đạo truyền bá, các hệ phái Thiền tông hầu hết từ Trung Hoa truyền sang, những vị tổ đứng đầu mỗi hệ phái đa phần là người Trung Hoa, ấn Độ. Chỉ có phái thiền Trúc Lâm - Yên Tử, ông tổ chính thực là người Việt Nam, mà đó lại là một ông vua đang ngự trị trên ngai vàng mà chối bỏ, giao lại cho con, xuất gia tu Phật. Đây là một nét đặc sắc ít có mà dân tộc Việt Nam đã có. Từ một ông vua, mà không phải một ông vua tầm thường, trái lại một ông vua anh hùng của dân tộc, một ông vua đã lên đến tột đỉnh

vinh quang, quyền uy, danh vọng đứng đầu thiên hạ, nhưng sẵn sàng bỏ lại tất cả không nuối tiếc, để sống đời xuất gia thoát tục, tu hành khổ hạnh, đạt đạo làm Tổ một dòng thiền. Đức vua Trần Nhân Tông đi tu, không phải để trốn đời, yếm thế mà đi tu để nhập thế, cứu đời. Có điều, nhà vua cứu đời, không phải cứu đời theo kiểu một ông vua, mà là theo kiểu của một thánh nhân trên đỉnh núi Yên Sơn, cách biệt kinh kỳ, Vua Trần Nhân Tông vẫn rõ được triều chính, có được những quyết sách lớn lao và đúng đắn nhằm gìn giữ tình bang giao giữa các nước láng giềng và Đại Việt, giữ vững nền an ninh chính trị nước nhà. Đồng thời, hoàn thiện hệ thống giáo lý của Pháp phái trúc Lâm, giáo lý Trúc Lâm đã trở thành nền tảng tư tưởng và đạo đức của một thời đại hoàng kim của Triều Trần, giai đoạn Phật giáo là Quốc đạo.

Thiền phái Trúc Lâm - Yên Tử nổi bật nhất ở thời Trần với 3 vị tổ là:

Sơ tổ Phái Trúc Lâm Trần Nhân Tông (1258 - 1308)

Thiền sư Pháp Loa (1284 - 1330)

Thiền sư Huyền Quang (1254 - 1334)

Sau đó do nhiều yếu tố trong đó có hoàn cảnh chính trị, xã hội khiến những vị tu hành này phải tiềm ẩn hoặc rút về núi rừng Yên Tử hoặc do tư liệu bị thất thoát nên trong lịch sử dường như bị lu mờ một khoảng. Đến triều nhà Mạc và hậu Lê mới được phục hưng lại.

Các nhà lãnh đạo Thiền phái Trúc Lâm chẳng những là những nhà chính trị, thiền sư mà còn là những nhà văn hóa, những thi nhân có tài. Họ đã ý thức muốn bảo vệ nền độc lập dân tộc một cách hữu hiệu và lâu dài, phải phát triển nền văn hóa dân tộc, cần không ngừng học tập nội ngoại điển để thông Lão - Nho, ngộ lý thiền, khuyến khích dân chúng học hành, tuyển chọn nhân tài phục vụ đất nước.

Xuất phát từ nhu cầu bức xúc của dân tộc lúc bấy giờ là nêu cao tinh thần đoàn kết, thương yêu trong cộng đồng, nguyện chung ý chí bảo vệ quyền tự chủ và độc lập của tổ quốc, dựa trên vị thế tôn giáo đang thịnh hành, Trần Nhân Tông xúc tiến quá trình bản địa hóa của đạo Phật từ nước ngoài truyền vào ở hai phương diện lý thuyết và thực tiễn. "***Nhập thế***" và "***Tu tại tâm***" là hạt nhân cốt lõi của tu tưởng chính thống phái Thiền Trúc Lâm. Theo đó, đạo không tách biệt đời. Lấy pháp hiệu

là Điều Ngự, Trần Nhân Tông cùng hai nhà sư Pháp Loa, Huyền Quang và các môn đệ dịch thuật, soạn thảo sách kinh, tập hợp và quy tụ tín đồ giảng giải, truyền bá giáo lý tại Yên Tử.

1.4. Du lịch Thiền:

1.4.1. Khái niệm về du lịch Thiền:

Du lịch thế giới phát triển đa dạng với nhiều hình thức được phân loại theo các sản phẩm du lịch khác nhau theo từng giai đoạn phát triển của du lịch và đặc điểm của các sản phẩm du lịch của mỗi điểm đến, hình thức thực hiện chuyến du lịch, mục đích của chuyến du lịch và nhu cầu của du khách...

Cùng với sự vận động, phát triển của thế giới vật chất, các hoạt động tôn giáo theo tông phái cũng được truyền bá và từ đó tạo ra các cuộc hành hương tôn giáo và các hoạt động này được coi như là cuộc lữ hành tâm linh. Các tín đồ của các giáo phái đi hành hương với mục đích chính là thực hiện việc cầu nguyện tại nơi đất Thánh.

Các cuộc hành hương tôn giáo hay phân loại của các nhà nghiên cứu hay tổ chức du lịch hiện nay được coi là du lịch tôn giáo đã được hình thành và phát triển từ thời Hy Lạp cổ đại với các cuộc hành hương tôn giáo của các tầng lớp nhân dân các dịp lễ hội.

Việc hành hương tôn giáo phụ thuộc vào giáo lý và các cách thức quy định về lễ hội của mỗi loại hình và mức độ truyền giáo của các tôn giáo đó với các tín đồ.

Đối với hoạt động du lịch Thiền, các việc hành hương của Phật tử mang tính chất ước mong, cầu nguyện, rèn luyện ý chí vững tâm vào chính pháp, và đi thăm các nơi đức Phật giảng đạo, nơi tu hành và nơi khởi sinh ra các dòng thiền, phái Phật giáo của mỗi quốc gia cụ thể như đi thăm Ấn Độ, Nepal - Nơi sản sinh ra Đức Phật và truyền đạo của Ngài, đi Tây Tạng để thăm và tìm hiểu Mật Tông, sang Thái Lan để tìm hiểu nguyên nhân Phật giáo lại là quốc đạo, hay đi Trúc Lâm - Yên Tử của Việt Nam để hành hương về nơi Tổ thiền của Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam. Đối với một số quốc gia khác như Ấn Độ, Thái Lan... thì ngoài hoạt

động Thiền mang tính chất của đạo Phật còn có các hoạt động Thiền của Yoga, các hoạt động thiền "*Zen*" của Nhật Bản.

Trên hệ thống lý luận hiện nay chưa có khái niệm về du lịch Thiền nhưng căn cứ trên thực tế triển khai chúng ta có thể định nghĩa *Du lịch Thiền là một loại hình du lịch được cung cấp cho du khách với sự kết hợp của việc khai thác các yếu tố thiền định trong tôn giáo, các yếu tố tự nhiên, xã hội đối với việc sử dụng các nguồn lực, cở sở vật chất nhằm mang lại các giá trị về mặt thể chất và tinh thần cho du khách.*

Các giá trị đem lại của du lịch Thiền không chỉ cho các du khách trong quá trình tham dự chuyến du lịch mà về mặt kinh tế xã hội cũng đem lại hiệu quả cao. Đối với một số quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan thì nguồn thu từ việc phát triển loại hình sản phẩm du lịch này rất lớn. Để nắm rõ hơn việc các hoạt động du lịch Thiền của các quốc gia và tại Việt Nam, các hoạt động du lịch khác gắn với các nguyên lý và giá trị của Thiền định và sự phát triển của Đạo Phật, các hoạt động thiền Yoga, các tác động và giá trị mà Thiền và Phật giáo đem lại của các quốc gia thế giới và của Việt Nam...

1.4.2. Đặc điểm của du lịch Thiền:

Với đặc điểm nổi bật chính là các hoạt động Thiền: tu tập, quán chiếu, thực hành Thiền định thông qua các pháp môn hoặc tham quan các địa danh nổi tiếng của đạo Phật, tìm hiểu và giới thiệu các giá trị do Thiền định đem lại như về sức khỏe và trị liệu, về tu tâm, về âm nhạc, kiến trúc... với các chuyến du lịch hiện nay đang được thực hiện và khái niệm như đã đề cập ở phần trên, du lịch Thiền mang tính chất và đặc điểm như sau:

- ***Nhu cầu du lịch***: so sánh với các loại hình du lịch thông thường phân loại theo nhu cầu chia thành các hình thức đi du lịch như: với mục đích nghỉ ngơi, giải trí, phục hồi sức khỏe, thể thao; tìm hiểu cơ hội kinh doanh với giải trí, thăm thân, chữa bệnh, văn hóa, tôn giáo... thì nhu cầu của người đi du lịch Thiền có những nét khác biệt trong đó tập trung chính vào việc thực hiện các nhu cầu hành hương, tu tập hoặc tham gia vào các chương trình tour du lịch được thiết kế riêng biệt với

việc đặt hàng các công ty lữ hành hay các tour du lịch được thiết kế sẵn sàng theo lộ trình chung ví dụ như: tour Yoga & Meditation Tour (14 đêm/15 ngày) tại Ấn Độ, tour du lịch Meditation Tour (13 đêm/14 ngày) tại BăngKok - Thái Lan, tour du lịch "Hot spring Yoga Tour" tại Nhật Bản, Temple Stay ở Hàn Quốc,... và ở Việt Nam có các tour du lịch Thiền từ 1 đến 4 ngày tại Lâm Đồng, hoặc Zen tour - Nha Trang của Công ty TNHH Du lịch Anh Anh...

- ***Hình thức du lịch***: mang tính chất du lịch tôn giáo, nghỉ dưỡng và sức khỏe trong đó dựa vào đặc điểm chính của hoạt động thiền định của Phật giáo hoặc Yoga, các lợi ích của thiền cho sức khỏe về cả mặt vật chất và tinh thần.

- ***Tài nguyên sử dụng***: Bao gồm cơ sở vật chất phục vụ du lịch thông thường như: dịch vụ lưu trú, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ ăn uống và tài nguyên nhân văn mang tính chất Phật giáo. Đặc điểm nổi bật nhất là tính chất sử dụng các tài nguyên vật chất rất ít và được làm nổi bật thông qua việc gìn giữ môi trường như thiền phái tại Nhật Bản, tạo ra các hoạt động sinh thái, tạo sự bền vững cho môi trường cho chính các quốc gia tổ chức du lịch.

1.4.3. Vai trò của du lịch Thiền:

Cũng như các sản phẩm du lịch khác trong hệ thống các dịch vụ du lịch cung cấp cho du khách trong nền kinh tế quốc dân. Du lịch Thiền ngoài việc mang lại các tác động và hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội, văn hóa nó còn thay đổi cách suy nghĩ, lối sống của cư dân.

1.4.3.1. Về mặt kinh tế:

Theo khái niệm về du lịch Thiền ở trên chúng ta có thể thấy về mặt xã hội thì du lịch Thiền mang tính chất du lịch văn hóa và sinh thái, bảo vệ môi trường, còn về mặt kinh tế thì là một sản phẩm du lịch trong một loạt các sản phẩm du lịch có thể cung cấp của điểm du lịch. Tuy nhiên, sự phát triển của du lịch Thiền với tác động kinh tế còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác cụ thể như sự quan tâm của chính quyền đối với các hoạt động Phật giáo từ đó khiến cho các hoạt động này trở thành hoạt động chính thống thu hút không chỉ du khách trong nước mà cả du khách quốc tế cụ thể như nỗ lực tổ chức Đại lễ Phật Đản Vesak của thế giới sẽ tạo

điều kiện cho quốc gia tổ chức thực hiện được dịp quảng bá đến các nước về Đạo Phật, về đất nước, con người, các điểm du lịch hấp dẫn các du khách trên toàn thế giới.

Đối với các quốc gia phát triển du lịch Thiền, hiệu quả kinh tế đem lại nguồn thu là rất lớn như Nhật Bản, Thái Lan hàng năm đều có hàng triệu du khách tham gia một phần hoặc hoàn toàn tour thiền được tổ chức tại các quốc gia đó và doanh thu đem lại hàng chục tỷ đôla cho các quốc gia nói trên.

1.4.3.2. Về mặt xã hội:

Sự phát triển du lịch Thiền sẽ đem lại sự hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên thông qua việc thấu hiểu các nguyên lý nhân quả và các du khách được cảm nhận, khuyến cáo việc sử dụng các nguồn tài nguyên này đối với chính bản thân du khách và các thế hệ tiếp theo. Du lịch Thiền có hiệu quả trong việc chữa bệnh, đặc biệt là các bệnh về tinh thần, thần kinh sẽ làm giảm bớt áp lực trong việc đảm bảo phúc lợi xã hội trong các dịch vụ y tế cho bệnh nhân. Ngoài da, các hoạt động thiền định khiến cho con người ta hiểu hơn về thế giới, về sự bình đẳng, sự công bằng... từ đó sẽ tạo ra hiệu quả cho cả cộng đồng trong việc chung sống hòa bình, không có các sự cạnh tranh, đối đầu hay các ý nghĩ tiêu cực dẫn đến giảm bớt các hệ quả đáng tiếc từ hoạt động này.

1.5. Hoạt động du lịch Thiền trên thế giới và ở Việt Nam:

1.5.1. Tại Thái Lan:

Thái Lan là một quốc gia với truyền thống đạo Phật được coi là quốc đạo chiếm 90% dân số và đối với mỗi người dân Thái Lan thì việc tu học theo Phật giáo là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi công dân. Với truyền thống đạo Phật được truyền bá hàng nghìn năm, sự hoằng pháp và tạo điều kiện của các triều đại phong kiến Thái Lan đã khiến cho đạo Phật có đất sinh sôi nảy nở, các khu chùa thờ Phật được xây dựng khắp nơi tạo ra những cảnh quan, điểm du lịch hấp dẫn du khách. Cùng với sự phát triển của ngành du lịch ở Thái Lan, các lợi thế về các công trình kiến trúc Phật giáo, sự phát triển của đạo Phật và sự quan tâm đến đạo Phật của các Phật tử, du khách, đã tạo ra một lợi thế lớn cho Thái Lan khi khai thác yếu tố này để phát triển du lịch Thiền (Zen -Tour hay Meditation Tour).

Hầu hết các khách du lịch đến Thái Lan đều đi thăm các công trình Phật giáo và các tour du lịch khi thiết kế đều có các địa danh này trong lịch trình của chuyến tour, cụ thể như:

+ Chùa Chiang Man - tại Chiềng Mai

+ Chùa Dhammongkol

+ Chùa Wat Ratchanaddaram - tại Băng Kok

+ Chùa Wat Pho - tại Băng Kok

+ Dhamma Kamala - tại Băng Kok

+ The International Buddhist - tại Băng Kok...

Theo sự phát triển của Phật giáo tại Thái Lan, Thiền định được chia làm hai nhánh chính như sau: Thiền Samatha (Thiền định) và Thiền Vipassana (Thiền Minh Sát). Các phương pháp Thiền định này dựa chủ yếu vào việc kiểm soát hơi thở, quán chiếu sự vật hiện tượng thông qua thực tại và từ đó kiểm soát được bản thân, phát triển trí não, hòa nhập vào thiên nhiên với niềm an lạc trong cuộc sống. Các hoạt động thiền định và dạy thiền định được phổ biến mọi nơi cho người dân Thái Lan và du khách, các trung tâm thiền định có ở khắp nơi và đặc biệt ở hầu hết các Chùa và học viện Phật giáo Thái Lan. Sự phổ biến hoạt động thiền định mang tính quốc tế hóa cao với các lớp học thiền định dạy bằng tiếng Anh, các trung tâm thiền định Phật giáo quốc tế.

Trung tâm thiền định Phật giáo quốc tế của Thái Lan được thành lập từ năm 1990 với mục đích cung cấp thông tin bằng tiếng Anh cho những người tìm hiểu về thiền định Phật giáo và các thông tin về Phật giáo Thái Lan. Tất cả các thông tin được cung cấp về mọi khía cạnh đạo Phật tại Thái Lan và hoạt động thiền định thông qua Thiền Vipassana (Thiền Minh Sát); đồng thời trung tâm thiền định Phật giáo quốc tế là một khoa trong trường Đại học Mahachulalongkorn Ratchawilthayala (MCU) - được Hoàng gia Thái Lan thành lập để đào tạo các bậc tăng ni cho giáo hội Phật giáo Thái Lan.

Với sự chú tâm vào phát triển và định hướng lớp trẻ, Hoàng gia Thái Lan còn thành lập ra Hội Thanh niên Phật tử từ năm 1950 và hướng dẫn dạy các hoạt

động thiền định miễn phí cho mọi người. Các lớp học được dạy cho người từ mới bắt đầu và không nhất thiết phải là Phật tử trước khi tham gia lớp học. Ngoài ra, trung tâm thiền định của Hội tại Băng kok còn cung cấp cả các dịch vụ sinh hoạt phụ trợ như phòng ngủ, cơm chay...

Theo thống kê hàng năm của Cục Xuất nhập cảnh Thái Lan, số lượng du khách nước ngoài năm 2006 đến du lịch là 13,8 triệu du khách, năm 2007 là 14,5 triệu du khách, năm 2008 là 14,6 triệu du khách, năm 2009 là 14,09 triệu lượt khách (*Nguồn: Cục Xuất nhập cảnh Thái Lan*) trong đó các du khách hầu hết đều đến thăm Hoàng cung Thái Lan, các ngôi chùa tại Băng Kok, Chieng Mai... và có tới hàng triệu người tham gia các hoạt động thiền định, tham gia học chính quy tại các Học viện Phật giáo của Thái Lan.

Ngoài các hoạt động thiền định: tọa thiền, thiền hành, nghe thuyết pháp... tại các khu chùa nổi tiếng, các trung tâm thiền định, các hoạt động nghỉ dưỡng mang tính chất thiền như Spa chữa bệnh với các phương pháp dân gian: dùng lá cây, bấm huyệt... cũng hấp dẫn các du khách đến từ các nước.

Nhìn chung, hoạt động du lịch Thiền tại Thái Lan là hoạt động du lịch mang tính bền vững cao, khai thác tiềm năng sẵn có mà không sử dụng nhiều tài nguyên, đem lại hiệu quả kinh tế không nhỏ cho Thái Lan, chính vì vậy từ tháng 8/2008 đến nay, Chính phủ Thái Lan đã quảng bá mạnh mẽ hoạt động du lịch của Thái Lan về du lịch Thiền với cả một chương trình mang nội dung "***Amazing Thailand - MEDITATION - The path to inner peace and well -being*** " .

1.5.2. Tại Trung Quốc:

Trung Quốc vốn có tiềm năng du lịch của một quốc gia rộng lớn, có nền văn minh lúa nước được tính là một trong những cái nôi của các nền văn minh thế giới, cùng với đặc điểm lịch sử và văn hóa phương Đông mang tính thần bí và có những điểm du lịch thực sự hấp dẫn du khách; đặc biệt việc phát triển tôn giáo như đạo Phật trong suốt một thời gian dài đã tạo ra các điểm du lịch nổi tiếng như Tây Tạng huyền bí với Phật giáo Mật Tông, Thiếu Lâm tự với Phật giáo Thiền Tông...

Trung Quốc là quốc gia được tính là khởi nguồn của Đạo Phật và các tông phái chính truyền đạo sang các nước thuộc khu vực Châu Á như: Việt Nam, Nhật Bản, Trung Quốc,... và chính Phật giáo tại Trung Quốc đã kết hợp với đạo Khổng và đạo Lão hình thành nên các tông phái khác nhau bao gồm 10 tông phái chính: Tỳ Đàm Tông, Thành Thật Tông, Nhiếp Luận Tông, Tam Luận Tông, Hoa Nghiêm Tông, Thiên Thai Tông, Mật Tông, Thiền Tông, Tịnh Độ Tông, Luật Tông. Qúa trình hình thành và phát triển của các tông phái Phật giáo Trung Quốc luôn gắn liền với lịch sử văn hóa - tư tưởng Trung Quốc. Trong mỗi giai đoạn lịch sử, ở từng thời đại và mỗi triều đại, sự phát triển của các tông phái Phật giáo Trung Quốc như nước ở trong đại dương, đôi khi lặng lẽ êm đềm nhưng cũng có lúc hưng khởi mạnh liệt. Sự hưng khởi của các tông phái này dường như là để bổ túc cho sự suy vi của một tông phái khác và tính đến nay có 3 tông phái chính còn mang tính ảnh hưởng lớn nhất là: Thiền Tông, Mật Tông và Tịnh Độ Tông.

Các ngôi chùa Trung Quốc mang sắc thái kiến trúc khác biệt khi phối hợp cùng với các đạo phái bản địa, thuật phong thủy đã tạo ra các quần thể kiến trúc đặc sắc đem lại sự say mê và mới lạ đối với du khách đặc biệt là du khách nước ngoài.

Theo thống kê, số lượng khách du lịch đến Trung Quốc ngoài đi thăm các địa điểm du lịch nổi tiếng như Tử cấm thành, Di hòa viên, Vạn lý trường thành, Thập Tam Lăng, Vô Tích, Hoàng Châu, Lệ Giang, Côn Minh, Đôn Hoàng... thì địa điểm được chú ý nhiều nhất đến hiện nay chính là Tây Tạng -thủ phủ của Phật giáo Mật Tông và Thiếu Lâm Tự - Phật giáo Thiền Tông. Chính phủ Trung Quốc và các Tăng nhân Thiếu Lâm chú trọng trong việc phát triển và quảng bá các hoạt động du lịch Thiền này cụ thể như việc đưa vào các bộ phim truyền hình các hoạt động Kung fu Thiếu lâm ở ngoài nước... từ đó đã tạo ra thương hiệu "*Thiếu Lâm*" và hấp dẫn du khách đến thăm nơi khởi nguồn của Thiền Tông và các hoạt động của Thiền Tông.

1.5.3. Tại Nhật Bản:

Trong số các quốc gia phát triển hiện nay, Nhật Bản là một quốc gia có số lượng khách du lịch quốc tế rất lớn. Đồng thời, với tiềm lực kinh tế và các cơ hội

đầu tư kinh doanh thương mại, sự tò mò về "*sự thần kỳ Nhật Bản*" đã tạo sự thu hút rất lớn đối với du khách nước ngoài.

Với bề dày bản sắc văn hóa, các đặc trưng của Nhật Bản đã tạo ra sự hấp dẫn với du khách trong đó phải kể đến sự hình thành nên Phật giáo Nhật Bản trong quá trình Phật giáo du nhập từ Trung Quốc vào Nhật Bản vào thế kỷ XII và kết hợp với tín ngưỡng bản địa - thần giáo Shinto tạo ra các thiền phái của Nhật Bản. Shinto là sản phẩm của nền văn hóa nông nghiệp Nhật Bản, vốn gắn chặt và phụ thuộc vào thiên nhiên, hơn nữa lại là một thiên nhiên đầy rủi ro: động đất, núi lửa,... Vì thế Shinto còn được gọi là "*Tôn giáo kính thờ thiên nhiên*". Ngoài những lễ nghi và tập tục, Shinto còn là sự biểu cảm sức mạnh và vẻ đẹp tự nhiên. Sự kết hợp giữa Thiền Trung Quốc và Shinto Nhật Bản tạo ra Zen (thiền Nhật Bản). Ngày nay, Zen trở thành phổ biến và là luật ngữ tiếng Anh chính thức của Thiền.

Zen không chỉ là cách tu tập của Phật giáo mà còn là một lối sống có triết lý giản dị nhưng thâm trầm, đậm sắc thái Nhật Bản hàng ngàn năm trở lại nay của phần đông dân chúng. Zen đi vào nhiều mặt của đời sống Nhật Bản như điêu khắc, nghệ thuật tranh mặc hội (Sumiye), xây dựng các công viên thiền (ví dụ điển hình là công viên đá Royanji ở Kyoto), vườn thiền (Zen Garden). Tầm cao của lối sống Nhật mang đậm phong cách thiền là võ sĩ đạo (Bushido)... Tuy nhiên, hoạt động phổ biến nhất của Zen được nhân dân Nhật Bản áp dụng hàng ngày và cũng được thế giới biết đến nhiều nhất là Trà đạo Nhật Bản. Tính chất Thiền trong Trà đạo Nhật bản được các nước phương Tây cũng như thế giới biết đến thông qua nhiều phương tiện trong đó đáng chú ý được đề cập trong cuốn Thiền Luận của Suzuki (quyển hạ).

Sự phát triển du lịch Thiền trên cơ sở một xã hội có phong cách sống Thiền đã khiến thiên nhiên Nhật Bản được bảo vệ rất tốt. Chính Hội Các đền thờ Shinto là tổ chức đầu tiên đề xuất việc bảo vệ môi trường ở đất nước này và nhờ đó cũng tạo ra tiềm năng du lịch thu hút du khách quốc tế đến với Nhật Bản. Ngoài ra, sự phát triển của Trà đạo, các vườn thiền... cùng với sự phát triển kinh tế của Nhật Bản là thế mạnh cho Nhật Bản trong việc phát triển loại hình du lịch này.

1.5.4. Tại Ấn Độ:

Ấn Độ là đất nước có lịch sử Phật giáo từ lâu đời. Ngày nay, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà đạo Phật ở Ấn Độ không trở thành quốc giáo, dần bị mai một. Nhưng tại quốc gia này vẫn còn tồn tại nhiều chứng tích Phật giáo thu hút du khách đến tham quan, chiêm ngưỡng. Hàng năm, có hàng triệu du khách đến Ấn Độ với ước mong, cầu nguyện, rèn luyện ý chí vững tâm vào chính pháp, và đi thăm nơi sản sinh ra Đức Phật và truyền đạo của Ngài. Tại Ấn Độ, ngoài hoạt động thiền mang tính chất của đạo Phật còn có các hoạt động thiền của Yoga.

Khởi nguồn từ Ấn Độ cách đây khoảng 7.000 năm, yoga được coi là một trong những hệ thống triết lý về phát triển và hoàn thiện con người tồn tại lâu đời nhất trên thế giới.

Cùng với thời gian, dù đã có nhiều biến cố về lịch sử và xã hội, yoga vẫn tồn tại, tiếp tục được bổ sung và phát triển ngày càng phong phú. Yoga đã nhanh chóng vượt qua biên giới Ấn Độ và trở thành 1 môn rèn luyện thể chất, tinh thần và tâm linh được nhiều người ở khắp các châu lục ưa chuộng.

Yoga có nguồn gốc ở ấn Độ và lưu hành khắp thế giới. Ý nghĩa ban đầu của từ "*Yoga*" là điều khiển bò, ngựa. Từ thời kỳ xa xưa, từ này thể hiện một số thực tiễn hoặc tu luyện để mong đạt được mục đích cao nhất. Trong cuốn "*Kinh Yoga*" có nêu ra định nghĩa chuẩn xác là "*sự khống chế có tác dụng đối với tim*". Yoga ở Ấn Độ có một lịch sử lâu đời và có quan hệ mật thiết với hệ thống Brahmanisn (đạo Bà la môn) mà chúng ta đã biết, rất nhiều điểm đầu chứa đựng tinh thần Yoga.

Ở ấn Độ, Yoga được trình bày và phân tích trong rất nhiều văn hiến cổ, hầu như mỗi bộ kinh điển đều có khá nhiều chương mục truyền thụ tri thức Yoga. Sau này, Phật giáo được sinh ra trong hệ thống Brahmanism, triết học Yoga vẫn được thể hiện trong kinh văn như cũ, cho tới ngày nay, rất nhiều phương pháp tu hành trong Phật giáo được phát triển trên cơ sở của Yoga. Ở ấn Độ, người ta tin rằng thông qua Yoga có thể thoát khỏi sự đau khổ của luân hồi, tự ngã của nội tại với vô thượng ngã của vũ trụ hợp làm một. Thông qua Yoga để thiêu huỷ mầm mống sinh ra luân hồi, chủ đề trong lòng được đánh thức, mọi thứ trở ngại đều không còn nữa.

Hiện nay, ở Ấn Độ rất khó phân biệt quan hệ giữa Yoga với đạo Hindu, trong các đền chùa, kinh điển, trong cuộc sống và trong rất nhiều phạm vi mối quan hệ của chúng được hòa quyện lẫn nhau.

Yoga là một trong những thuật rèn luyện sức khoẻ cổ nhất ở phương Đông và là kết tinh trí tuệ của nhân loại. Yoga cũng là kiến thức mà các bậc tiên hiền của Ấn Độ nhận biết cuộc sống qua trực giác với tư tưởng sâu lắng nhất và trạng thái tính mạc nhất.

Lúc đầu chỉ có một số ít người tập luyện Yoga, thường là trong các chùa chiền, các am nhỏ trong làng, trong các hang động trên dãy núi Himalaya hoặc giữa rừng sâu rậm rạp và do các thầy dạy Yoga truyền thụ cho các môn đồ tự nguyện. Về sau, Yoga đã dần dần được lưu truyền trong các tầng lớp nhân dân ấn Độ.

1.5.5 Hoạt động du lịch Thiền tại Việt Nam:

Tại Việt Nam, Thiền không có gì xa lạ. Các lớp học Thiền, khí công hay yoga luôn rất đông học viên, đủ mọi lứa tuổi, trẻ có, già có. Nhưng du lịch Thiền thì lại là một phạm trù khác. Dẫu rằng loại hình này đã nhen nhóm triển khai ở nước ta vài năm trở lại đây nhưng sự phát triển của nó vẫn chưa đủ mạnh để khẳng định vị thế trong ngành du lịch. Du khách Việt Nam vẫn có tâm lý hưởng thụ vật chất hơn là tinh thần. Và đó chính là bài toán phải giải của du lịch Thiền.

Ở Việt Nam, các tour du lịch Thiền thường bao gồm các lớp học yoga, điều trị tâm lý, liệu pháp spa. Thêm vào đó là những chuyến viếng thăm đền chùa, thiền viện hay các địa danh tâm linh khác. Mỗi chuyến đi như vậy, du khách lại được trực tiếp trải nghiệm văn hóa Phật giáo bằng cách tham gia vào đời sống hàng ngày của các nhà tu hành và thưởng thức những món ăn chay tịnh. Thoát khỏi những cám dỗ và thói quen đời thường chính là liệu pháp đầu tiên để du khách lấy lại sự cân bằng. Những hoạt động giải trí đầy tính Thiền, thư giãn đầu óc như spa, thư pháp, trà đạo... được đưa vào chương trình du lịch, mang lại sự tĩnh tâm cần thiết. Và đó cũng chính là điểm mấu chốt của hình thức du lịch này - luôn hướng tới việc tái tạo lại sự cân bằng giữa cơ thể và tinh thần của du khách. Trong suốt thời gian tham gia những tour này, du khách sẽ được tách ra khỏi mọi áp lực của cuộc sống,

bộn bề thường ngày để hòa mình vào thiên nhiên và học những điều tưởng như... không cần phải học: thư giãn và hít thở.

Du lịch Việt Nam đã có khá nhiều những hoạt động thư giãn mang chất thiền và được ưa thích như: Zen Tea, Zen Café hay Zen Spa... Nhưng một hành trình du lịch Thiền là một cấp độ khác. Các chuyên gia du lịch cũng đánh giá Việt Nam có thể sẽ trở thành một điểm đến lý tưởng cho các du khách của loại hình du lịch này, bởi thiên nhiên đẹp và đời sống tâm linh phong phú. Những địa điểm lý tưởng có thể kể đến như: Khánh Hòa, Đà Lạt, Tây Thiên, Yên Tử, Vũng Tàu... Không những thế, bất cứ một ngôi chùa hay thiền viện Phật giáo nào trên cả nước đều dễ dàng trở thành nơi dừng chân cho các "*tín đồ*". Thế nhưng, du lịch Thiền xem ra vẫn là một cụm từ "*lạ*" đối với du khách Việt.

Các hoạt động du lịch Thiền ở Việt Nam có thể được tính dưới các hình thức sau:

- Các lễ hội: Đại hội Phật giáo quốc tế Veska - 2008, lễ giỗ tổ các thiền phái như: Trúc lâm Tam Tổ, Phật hoàng Trần Nhân Tông thuộc Thiền phái Trúc Lâm, Lễ Phật đản hàng năm, lễ Vu Lan báo hiếu...

- Các hoạt động nghiên cứu, trải nghiệm như các du khách quốc tế đến các Thiền viện Việt Nam nghiên cứu về Phật học, Thiền phái của Việt Nam.

- Các hoạt động du lịch tâm linh, thư giãn mang tính chất hành hương, nghỉ dưỡng trong đó hoạt động du lịch hành hương được tổ chức dưới hình thức du lịch Outbound nhiều hơn với các chuyến hành hương của các Phật tử về đất Phật (Nepal), Ấn Độ, hoặc các chuyến du lịch đến các quốc gia có sự phát triển của Phật giáo như Thái Lan, Trung Quốc, Myanma...

- Một số tour du lịch trọn gói tại Nha Trang do Công ty Du lịch Anh Anh tổ chức dưới hình thức tour thiền - yoga trong đó hoạt động chủ yếu là tập một số bài tập yoga trong chuyến tour kết hợp với ăn chay và đi thăm cảnh Nha Trang. Tuy nhiên, việc triển khai tour này đòi hỏi các du khách khi đăng ký đã có tìm hiểu và hiểu biết một chút về Thiền, ngoài ra do chưa có chương trình quảng bá rộng rãi mà mới chỉ thực hiện trên trang Wed: *anhanhtravel.com* được tổ chức dưới hình thức là tour đặc thù và phải liên hệ đặt tour trước.

- Hoạt động du lịch tĩnh tâm của câu lạc bộ Trà Việt - Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức tour du lịch này kết hợp với An Lạc Trang - xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh. Nội dung chuyến tour gồm có: tập yoga, học thở và năng lượng, tập viết thư pháp, tập nghi thức trà đạo, thiền hành, cắt tỉa bonsai, sắp xếp non bộ, trồng rau, bơi lội...

Tour tĩnh tâm ở An Lạc Trang bắt đầu khóa thứ nhất vào dịp 30/4/2009. Mỗi tháng, An Lạc Trang tổ chức từ một đến hai khóa du lịch tĩnh tâm, theo từng chủ đề do khách đề xuất hoặc ban tổ chức tự thiết kế tối đa là 30 người/khóa. Chi phí tham dự mỗi người từ 350.000 - 450.000 đồng/khóa, tùy nội dung, thời gian khoảng hai ngày.

Tiểu kết chương 1

Mặc dù Thiền Tông được bắt nguồn từ Phật giáo Ấn Độ và được khởi nguyên từ Trung Hoa, nhưng chính ở Việt Nam Thiền Tông mới có một sức sống mãnh liệt và trường tồn. Thiền ở Việt Nam là sự kết tinh những gì là tinh túy nhất trong tư tưởng của hai nền văn minh lớn của nhân loại, Thiền đó vượt ra khỏi một phương pháp tu tập thông thường để vừa là một thứ triết lý thâm sâu, lại vừa là một thứ giải trí thanh cao của con người, ranh giới của tôn giáo, thần phật đó bị xóa nhòa để hòa nhập vào cuộc sống của con người. Bằng cách nâng mình lên để thưởng thức và thẩm thấu nghệ thuật ấy, con người đó hòa nhập vào thế giới của tự nhiên nguyên sơ thiêng liêng và vĩnh cửu, vĩnh cửu giống như những kiếp nhân sinh ngàn đời kế tiếp nhau. Và trải qua bao thăng trầm lịch sử, thời gian, mặc dù chỉ truyền qua ba thế hệ Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử tưởng chừng như đó suy vi, mai một và lu mờ, tuy nhiên với sức sống mãnh liệt, sức sống nội tâm, ánh áng của Thiền Tông chưa bao giờ đứt đoạn. Từ Hiện Quang khơi nguồn, Điều Ngự dựng gậy, Pháp Loa nối lửa, Huyền Quang tiếp hương... một mạch chảy dài đến tận ngày hôm sau. Sự hiện diện của dòng thiền này trong lịch sử đó góp phần tụ thêm trang sử vàng chói lọi của dân tộc Việt Nam dưới thời Trần, để rồi ngày nay những âm ba của nó trong lòng dân tộc vẫn còn vang ngân không dứt. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử chính là cái nôi của "*Đạo Phật Việt Nam*".

CHƯƠNG II:

TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH THIỀN Ở THIỀN VIỆN TRÚC LÂM – YÊN TỬ

2.1. Khái quát về khu di tích, danh thắng Yên Tử:

2.1.1. Khái quát về điểm du lịch Yên Tử:

Yên Tử nằm trong địa bàn thị xã Uông Bí, là địa phương có nhiều cảnh quan và di tích lịch sử. Non nước ở đây sơn thủy hữu tình, hình thế sông núi phong quang, hoành tráng: có hang Son - một kỳ tích của tạo hóa, thác Lựng xanh - nằm gần thị xã có tới năm tầng thác hiện còn giữ được vẻ đẹp nguyên thủy cũng như sự trong lành hiếm có. Đặc biệt ở Uông Bí còn có quần thể di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử, mà giá trị của nó nói như các nhà quy hoạch du lịch thì: "*Trong những danh thắng nước ta, Yên Tử là danh thắng kết hợp hài hòa giữa hai mặt chiều sâu lịch sử và cảnh đẹp thiên nhiên*". Tại đây, vua Trần Nhân Tông (1258-1308), vị anh hùng dân tộc sau khi hai lần đánh thắng quân Nguyên Mông đã lựa chọn làm nơi tu hành và xây dựng nên Trung tâm Thiền phái Trúc Lâm. Ở thời kỳ hưng thịnh nhất, thiền phái này đã phát triển lớn mạnh khắp vùng Đông Bắc tổ quốc, với khoảng 800 chùa lớn nhỏ và trên 15.000 chúng tăng.

2.1.2. Tài nguyên du lịch tự nhiên:

Cũng như nhiều khu du lịch khác, các thắng cảnh của Yên Tử là ưu thế nổi trội để phát triển du lịch.

Với một thắng cảnh hùng vĩ, thơ mộng song cũng rất thâm nghiêm. Khu di tích, danh thắng Yên Tử có những rừng trúc, rừng mai xanh tươi, chim hót quanh năm, trăm hoa đua nở bốn mùa hòa quyện với suối nước, mây trời... đã làm say đắm tâm hồn biết bao du khách. Chẳng thế mà nhiều nhà văn hóa lớn của đất Việt khi đứng trước cảnh đẹp kỳ vĩ với nhiều giá trị về: quốc phòng, quân sự như Nguyễn Trãi đã phải rung động khắc họa thành thơ:

"Trên non Yên Tử vòm cao ngất
Trời mới sáng canh đã sáng tinh
Vũ trụ mắt đưa ngoài biển cả

Nói cười người ở giữa mây xanh
Muôn ngàn giáo ngọc tre cài cửa
Bao dải tua châu đá rủ mành
Di tích Nhân Tông còn lưu đấy
Trùng Đồng thấy giữa áng Quang Minh".

(Đào Duy Anh *dịch*)

Yên Tử là một di sản thiên nhiên văn hóa có giá trị lớn về nhiều mặt, trong đó có gía trị Quốc gia đặc biệt về phương diện chiến lược quân sự, khoa học và bảo tồn vẻ đẹp thiên nhiên. Những giá trị đó đã được Bộ Văn hóa thông tin cấp bằng công nhận Yên Tử là khu di tích lịch sử văn hóa danh thắng đặc biệt quan trọng của quốc gia từ ngày 13/3/1974.

Nắm bắt được ưu thế đó, thắng cảnh Yên Tử đã và đang được khai thác phục vụ cho việc phát triển du lịch và đã thu hút được đông đảo khách du lịch về thăm quan.

Khách thập phương đến với chương trình du lịch "*hành hương về cội nguồn Yên Tử*" được bước đi dưới tán lá xanh của những cây đại thụ và tiếng vang của núi rừng, tiếng róc rách của nước suối chảy, tiếng ào ào của thác nước đổ, hít thở không khí trong lành của rừng núi Yên Tử và tận hưởng cảm giác thanh thản tách biệt khỏi cuộc sống đời thường.

Trên đỉnh gần tận cùng của núi Yên Sơn có một bức tượng đá An Kỳ Sinh do thiên tạo đã đứng đó bao đời: An Kỳ Sinh đứng đó mặt quay xuống núi chắp tay cung kính trong tà áo cà sa bay thướt tha trong gió, gió núi với rừng núi đại ngàn trùng điệp, tất cả tạo nên cảnh đẹp "*sơn thủy hữu tình*", "*trời mây non nước hòa quyện*", đây cũng là điểm lý tưởng để cho khách du lịch vào những ngày trời quang mây tạnh phóng tầm mắt ra xa để có thể nhìn thấy cả một vùng Đông Bắc rộng lớn: Hạ Long mờ mờ những núi đá, biển xanh; Hải Phòng thấp thoáng những con thuyền lớn đậu trên đất cảng... Đây là điểm đặc biệt để khách du lịch dù mệt mỏi cũng gắng sức leo lên đỉnh chựa Đồng.

Đặc biệt với sự đa dạng về sinh học, Yên Tử còn là điểm đến lý tưởng cho những nhà nghiên cứu khoa học, sinh học bởi nơi đây có rừng nguyên sinh với

nhiều giống loài động thực vật quý hiếm, có rừng trúc xanh rì và để tìm hiểu điều kỳ lạ tại sao cây sú vẹt chỉ sống ở vùng ẩm thấp ven biển lại "*lên*" tận đỉnh chùa Đồng sinh sống, tại sao loài hoa mai vàng đặc trưng của mùa xuân phương Nam cũng nở vàng rộ ở vùng Yên Tử ?

Có thể nói ban quản lý Yên Tử có vai trò rất lớn trong việc bảo vệ, bảo tồn hệ sinh thái đặc biệt này.

2.1.3. Tài nguyên du lịch văn hóa - nhân văn:

Ngoài nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú, Yên Tử còn có nhiều tiềm năng về tài nguyên du lịch nhân văn. Từ xa xưa Yên Tử là vùng đất có nhiều tộc người sinh sống, quá trình con người bắt đầu đến định cư, sinh sống trên vùng đất này đã xây dựng nên những nét nổi bật, đặc thù về văn hóa xã hội. Mỗi cộng đồng người đều có những phong tục tập quán khác nhau mà quá trình sinh hoạt làm ăn kinh tế, khai thác tài nguyên thiên nhiên cũng như công việc đấu tranh sinh tồn đã góp phần hình thành nên. Dần dần những nét đặc thù đó đã được định hình, được phát triển trở thành bản sắc văn hóa cộng đồng - một nguồn tài nguyên du lịch nhân văn độc đáo của Yên Tử.

Không chỉ có thế, về với Yên Tử là về với cội nguồn của "*Đạo Phật Việt Nam*". Qua sử sách, khảo sát, khai quật và bằng các hiện vật thu được, các nhà sử học và các chuyên gia khảo cổ đã khẳng định Yên Tử là nơi phát tích của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Đây là thiền phái đạo Phật duy nhất do người Việt Nam sáng lập, cũng là thiền phái duy nhất kết tinh được tinh hoa của dân tộc để trở thành một chấm son trong lịch sử dân tộc nói chung và lịch sử Phật giáo nói riêng. Nhờ ở bề dày lịch sử đó mà Yên Tử đã mang tải trong mình những giá trị của nguồn tài nguyên du lịch nhân văn to lớn.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Yên Tử còn là căn cứ cách mạng của nhân dân chiến khu. Bao lớp thanh niên chống Mỹ đã về đây tập luyện và lên đường xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, chi viện cho miền Nam góp phần đánh tháng giặc Mỹ, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Chính vì vậy có thể nói mỗi đoạn đường, mỗi vùng đất của Yên Tử hôm nay đều mang một giá

trị tự nhiên và nhân văn sâu sắc thể hiện qua những bước đi trong tiến trình phát triển của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử cũng như quá trình dựng nước của dân tộc Việt Nam.

Bên cạnh những giá trị lịch sử và tâm linh, kể từ thời Trần Nhân Tông, trong quá trình tu hành của mình, ông và các vị thiền sư đã để lại cho thế hệ mai sau những di vật vô cùng quý giá. Đó là hệ thống chùa, am tháp, tượng bia phong phú với nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc đặc biệt. Tất cả các di sản đó là tinh hoa của nên văn minh Đại Việt phát triển thịnh vượng dưới thời Trần. Tâm hồn, tư tưởng và cốt cách văn hóa của con người Việt Nam được phản ánh rõ nét trong từng di vật, di tích. Trải qua hàng trăm năm hình thành, phát triển và tồn tại, hiện nay khu di tích danh thắng Yên Tử còn lưu giữ nhiều di vật có giá trị.

Riêng về nơi thờ tự có 10 chùa: chùa Bí Thượng (chùa Trình Yên Tử), cùa Suối Tắm, chùa Cầm Thực, chùa Lân (thiền viện Trúc Lâm Yên Tử), chùa Giải Oan, chùa Hoa Yên (chùa Cả, chùa chính), chùa Một Mái, chùa Vân Tiêu, chùa Bảo Sái, chùa Đồng. Ngoài ra còn một hệ thống các di tích khác như các vườn tháp Huệ Quang, tháp Tổ (là nơi linh thiêng nhất của Yên Tử), Hòn Ngọc, vọng Tiên Cung, các tháp ở khu vực chùa Lân, chùa Hoa Yên, chùa Bảo Sái, chùa Một Mái, các địa danh lịch sử như am Ngọa Vân, am Thiền Định, am Lò Rèn, Đường Tùng trên 700 tuổi, dốc Hạ Kiệu, dốc Voi Qùy, dốc Dây Diêu, suối Giải Oan, suối Tắm, dốc Cửa Ngăn, tượng An Kỳ Sinh. bia Phật và hơn 6000 các di vật các di tích, các giá trị lịch sử văn hóa phi vật thể khác.

Tất cả những di sản này đã góp phần tạo nên một Yên Tử với giá trị nhân văn vô cùng tớn mang đậm nét văn hóa dân tộc Việt Nam. Để ngày nay Yên Tử hiện lên trong tâm trí của khách hành hương là một nơi có cảnh đẹp hiếm có, nơi lưu giữ di tích của dòng Thiền Trúc Lâm với những công trình kiến trúc cổ, độc đáo hòa trong cảnh sắc thiên nhiên tạo nên vẻ đẹp kỳ thú vè huyền bí đến lạ thường và nổi bật lên tất cả đó là một tinh thần Phật giáo giản đơn mà sâu sắc, vừa mang trong mình những nét chung của Phật giáo Việt Nam, vừa lung linh một tinh thần rất riêng của Thiền Trúc Lâm Yên Tử.

2.2. Thiền viện Trúc Lâm - Yên Tử:

2.2.1. Qúa trình xây dựng:

Từ nửa sau thế kỷ XX, cùng với cuộc chấn hưng đạo Phật, hòa thượng thiền sư Thích Thanh Từ cũng là người đi đầu trong việc chủ trương khơi dậy mạch Thiền Trúc Lâm Yên Tử. Chính vì vậy, được sự giúp đỡ của các tăng ni phật tử, hòa thượng thiền sư Thích Thanh Từ đã phát tâm xây dựng hàng chục ngôi Thiền viện trên suốt dải đất miền Nam. Với sự ra đời của các Thiền viện này, một lần nữa ánh sáng của một dòng Thiền đã lu mờ hàng trăm năm lại bừng thắp. Song có lẽ công cuộc chấn hưng đó sẽ chưa thật sự có ý nghĩa nếu như vẫn chưa có một Thiền viện được xây dựng tại chính nơi phát tích của Thiền phái Trúc Lâm. Vì lẽ đó, hòa thượng Thích Thanh Từ cùng với các tăng ni Phật tử của giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tìm về với non thiêng Yên Tử. Sau quá trình tìm hiểu, khảo sát thực địa, Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử chính thức được xây dựng vào ngày 19 tháng 1 năm Nhâm Ngọ (14/12/2002); Thiền viện Trúc Lâm chính thức được khánh thành sau hơn 9 tháng xây dựng. Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử do thượng tọa Thích Kiến Nguyệt chủ trì thiết kế, tổ chức thi công và tiến hành mọi thủ tục. Sau đó Viện thiết kế và quy hoạch tỉnh Quảng Ninh đã hoàn chỉnh đồ án với sự góp ý của hòa thượng Thích Thanh Từ - lúc này đang là Viện trưởng Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt.

Thiền viện tọa lạc trên đỉnh núi hình con Kỳ Lân, trên địa thế của chùa Lân (chùa Long Động). Mặc dù thiền viện Trúc Lâm được xây dựng khá muộn so với các Thiền viện khác của Thiền phái Trúc Lâm trong cả nước nhưng lại được coi là Thiền viện số một, Thiền viện trung tâm của dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử chính bởi vì Thiền viện mang trong mình những giá trị lịch sử và kiến trúc vô cùng to lớn.

2.2.2. Các giá trị của Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử:

2.2.2.1. Giá trị lịch sử, văn hóa tư tưởng của Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử:

Do vị thế lịch sử đặc biệt của mình, Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử mang trong mình nhiều giá trị văn hóa tư tưởng sâu sắc bởi Thiền viện được xây dựng trên chính nơi khơi nguồn, nơi phát tích của Thiền phái Trúc Lâm - Thiền phái riêng của Việt Nam với ông tổ là người Việt Nam.

Thiền viện được xây dựng trên nền móng của chùa Lân (chùa Long Động) cũ. Thiền viện tọa lạc trên đỉnh núi giống như hình con Kỳ Lân nằm phủ phục, chính vì vậy người xưa khi xây dựng đã đặt tên theo dáng núi - Chùa Lân. Tên chùa còn được hiểu theo nghĩa khác: ngày xưa, trước khi ngập trắng cả vùng Nam Mẫu, muốn lên chùa phải chống gậy mà lên. Nhà chùa mến khách, dùng dây cho khách bám lân vào. Công việc lân dây lên chùa trở thành quen, đến nỗi đặt luôn chùa là "*chùa Lân*".

Trong quá trình khai quật nền móng chùa Lân để xây dựng Thiền viện đã tìm thấy rất nhiều di vật, hiện vật từ thời Trần, đó là những mảnh tháp, các bệ men, gạch lát có niên đại từ thế kỷ XIII, XIV... đó là những kiến trúc nổi bật của thời Trần, là di sản văn hóa vô giá của dân tộc, là sản phẩm của văn minh Đại Việt. Thiền viện đã trở thàng nơi lưu giữ những dấu tích, những di vật và di chỉ khảo cổ có ý nghĩa, cho phép dựng lại diện mạo, đời sống kỹ thuật và nghệ thuật kiến trúc thời Trần.

Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử là nơi lưu giữ những cổ vật của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, qua đó góp phần giới thiệu sự phát triển của Phật giáo Việt Nam, của dòng thiền Trúc Lâm qua các thời kỳ lịch sử, góp phần giáo dục lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, thắp sáng ngọn đền Thiền Tông Việt Nam, giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam, tôn vinh giá trị văn hóa phi vật thể của Yên Tử.

Tinh thần Thiền Tông thời Trần là một tư tưởng đạo đức lớn của ông cha ta, các ngài đã "*xem ngai vàng như dép rách*" để nêu gương cho các tăng ni phật tử tu theo, để dậy cho nhân dân con cháu noi theo hãy sống đời đạo đức (tu tập Thiền) để được quả phúc lành trong hiện đời và đời sau.

Nhờ truyền thống văn hóa đạo đức đó mà dân tộc ta còn tồn tại và phát triển đến ngày nay. Nếu ông cha ta không khéo gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc và sống đời đạo đức thì có lẽ dân tộc ta cũng như các dân tộc khác thời bấy giờ đã có thể bị tiêu diệt hay đồng hóa theo quy luật nhân quả, tuần hoàn của vũ trụ. Do nhận thức sâu sắc về tư tưởng đạo đức và đường lối tu hành của Thiền phái Trúc Lâm "*tin tâm mình là Phật, hay Phật tại tâm*" mà hòa thượng thiền sư Thích Thanh Từ

cùng các tăng ni phật tử và giáo hội Phật giáo Việt Nam đã về Yên Tử xây dựng thiền viện Trúc Lâm Yên Tử thắp sáng ngọn đèn chánh pháp tại chốn tổ Yên Tử, xây dựng lại chiếc nôi của " *đạo Phật Việt Nam*" đã có từ xa xưa, để đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng cho nhân dân và phật tử tu hành về Yên Tử trong thiên niên kỷ này.

2.2.2.2. Giá trị kiến trúc của Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử:

Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử tọa lạc trên ngọn núi hình con kỳ lân. Thiền viện được xây dựng theo kiến trúc của ngôi chùa Việt Nam thế kỷ mới chứ không phải ngôi chùa Việt Nam thế kỷ XVI, XVII. Các công trình chính điện, nhà thờ tam tổ, lầu trống, lầu chuông, nhà trưng bày, nhá sách đều được xây dựng theo kiến trúc hiện đại, kiên trúc hoành tráng uy nghi, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ. Người chủ trì thiết kế, tổ chức thi công và tiến hành mọi thủ tục là thượng tọa Thích Kiến Nguyệt.

Một điểm dễ nhận thấy ở kiến trúc của Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử cũng như một số Thiền viện Trúc Lâm khác trong cả nước là sự thanh thoát, nhẹ nhàng và đậm tính dân tộc. Nếu như kiến trúc chùa Việt Nam ngày xưa sử dụng phần lớn chữ Hán thì tại Thiền viện đều sử dụng chữ Quốc ngữ với chủ trương Việt hóa, đề cao bản sắc dân tộc. Thiền viện được xây dựng theo một trục chính xuyên và được chia làm hai khu vực chính đó là: khu nội viện và khu ngoại viện.

Nội viện là khu dành riêng cho các chư tăng chuyên tu bao gồm thiền đường, khu ở của chư tăng, trai đường... đây là khu vực mà người ngoài không được vào thăm quan.

Ngoại viện là khoảng không gian phía ngoài dành riêng cho khách thăm quan, lễ Phật. Cũng giống như các Thiền viện khác, Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử được xây dựng theo mô hình kiến trúc bao gồm các công trình tòa chính điện, nhà thờ tổ, nhà trưng bày, nhà kinh sách, nhà khách, lầu trống, lầu chuông. Mỗi công trình trong toàn thể kiến trúc Thiền viện đều mang sắc thái riêng nhưng ở đây người viết chỉ trình bày đôi nét kiến trúc về khu vực ngoại viện của Thiền viện.

Từ ngoài đặt chân tới Thiền viện ta gặp ngay ngõ chùa lát đá như tấm thảm. Xưa kia, ngõ chùa Lân rất lớn, đã từng được nhắc đến trong câu: "*ngõ chùa Lân*,

sân chùa Muống, ruộng chùa Quỳnh" là ba cái nhất không thể so bì ở ba cảnh chùa khác nhau vào thời pháp phái Thiền Trúc Lâm rất thịnh vượng. Khi xây dựng Thiền viện, lối đi lát đá đó vẫn được giữ nguyên. Mặt đá nhẵn bóng, hơi khuyết chứng minh thời gian và người vô lượng qua. Khi xây dựng Thiền viện, nhiều ngôi tháp cổ vẫn được giữ nguyên làm tăng vẻ cổ kính của Thiền viện. Tháp cổ ghi rõ hành trạng của các bậc thiền sư khả kính tu hành ở chùa Lân chủ yếu vào thời hậu Lê ví như các ngôi tháp Giao Quang, Thiếu Từ, Từ An, Phù Ty, Phổ Minh, Nhà Thừa, Liên Phương, Bảo Quang... Trong vườn Thiện viện Trúc Lâm Yên Tử còn ba ngôi tháp, hai ngôi tháp trước cửa là tháp Viên Minh và tháp Viên Quang. Tháp nổi tiếng nhất là tháp Tịnh Quang Kinh Tháp được triều đình nhà Lê ban sắc xây dựng năm 1762, ngự ở phía sau Thiền viện, quán xá lợi của Tuệ Tăng hoà thượng Tổ Chân Nguyên - một bậc đại giác tuệ được triều Lê sắc phong là Tăng thống chính giác hòa thượng, là người có công rất lớn trong việc khơi dậy mạch nguồn Yên Tử vào thế kỷ XVII. Hiện nay Yên Tử còn 23 ngôi tháp. Sau khi công thành quả măn, các Thiền sư đã hóa thân Bồ Tát trở về dưới Phật đài, đương thời lập tháp để phụng thờ, khắc vào bia đá để lưu dấu tích cho đời sau. Qua lối ngõ vào chùa 100m là cổng tam quan, khi chưa tôn tạo hai bên có đắp đôi câu đối cổ:

"Thiệu Long phật tổ chi tâm tông
Hoằng phát thánh hiền chi pháp chi"

Ngày nay khi xây dựng Thiền viện, các nghệ nhân đương đại đắp lại khắc đôi câu đối:

"*Đồng ruộng vùng dậy cưỡi bủa mưa pháp*
Kỳ lân xuất hiện tai ách thảy tiêu tan"

Bước qua cổng tam quan là tòa chính điện. Trước cửa tòa chính điện là hố nền móng của chùa Lân cũ. Nền chùa được làm bằng đất sét đắp lên nền sinh thổ khoảng 2cm, bên trên rải một lớp đá cuội phẳng có kích cỡ khác nhau tạo thành một lớp 0,5m, bên dưới lớp đá cuội thứ hai cách lớp trên 3cm. Gạch đắp đất sét nung màu đỏ, chất liệu đất sét mịn, gạch nung lửa đều, có hai kích cỡ khác nhau 22cm x 11cm x 4cm; 22cm x 10cm x 5cm. Sau thời Lê, nhà Nguyễn xây dựng lại

trên nền chùa cũ, cao hơn 0,4cm. Nền xây gạch hiện đại có kích cỡ 22cm x 11cm x 4cm, loại nhỏ 20cm x 10cm x 1,5cm. Gạch thời Nguyễn có màu xám, chất liệu đất khô, gạch nung khá già, nhiều viên cong lên. Tòa chính điện được xây dựng theo kiến trúc "*cổ lầu*" tức là tòa nhà bao gồm hai tầng mái, khoảng cách giữa mái trên và mái dưới là cổ lầu, hầu hết các công trình trong Thiền viện đều được xây dựng theo kiến trúc này. Tòa chính điện giống như đầu rồng, hai cửa sổ viên giác ở phía dưới tòa phía dưới được ví như hai mắt của con rồng, cửa chính được ví như miệng rồng. Con đường trải dài từ cổng tam quan vào chính điện là lưỡi rồng. Trước tòa chính điện là quả cầu như ý xung quanh có nước phun với ý tưởng rồng ngậm hạt ngọc và phun nước. Rồng là con vật thể hiện cho sự thịnh vượng, may mắn mưa thuận gió hòa, là sức mạnh, là tinh thần người Việt. Qủa cầu như ý tượng trưng cho ý nghĩa báo ân Phật tổ. Qủa cầu như ý được làm từ đá hoa cương ở Bình Định, trọng lượng của quả cầu khá lớn nặng tới 6,5 tấn được làm tại Hà Nội do kỹ sư Đinh Văn Túy đảm nhận. Qủa cầu được làm trong vòng 18 tháng (từ tháng 5/2003 đến 1/2005) và được đưa về Thiền viện. Hình ảnh quả cầu như ý nổi trên mặt nước sử dụng lực đẩy của nước, các nghệ nhân muốn thể hiện sự hưng thịnh, thời kỳ đổi mới và phát triển.

Trên tòa chính điện, có bức đại tự đề "*Phật - Pháp - Tăng*" - ba ngôi tôn quý của thế gian (Tam Bảo). Nếu như các ngôi chùa Việt Nam, nhà thượng điện thường là nơi quan trọng nhất, nơi thờ điện Phật với nhiều pho tượng Phật được thờ từ thấp đến cao như tượng Thích ca sơ sinh, Thích ca mầu ni ở tuổi trưởng thành, bộ tượng Tam thế và hệ thống các tượng chư phật (tượng Di Lặc, tượng A di đà, các pho tượng đạo giáo)... thì trong tòa chính điện của Thiền viện thỉ thờ ba pho tượng chính, ở giữa là tượng đức Phật Thích ca mầu ni, là bậc đạo sư đã chỉ cho chúng ta con đường đi đến giác ngộ giải thoát. Tượng được làm bằng đồng tại lò đúc Huế, có kích thước khá lớn, cao hơn 2m, nặng khoảng 5 tấn. Bên trên là tượng Bồ Tát Văn Thù tượng trưng cho hạnh nguyện độ sinh, khi có trí tuệ cần phải có hạnh nguyện lớn để vượt qua mọi thử thách, gian lao, để cứu độ chúng sinh. Bức tranh vẽ hai pho tượng này được làm tại Hải Phòng.

Nét đặc sắc trong cảnh trang trí của tòa chính điện là chín bức tranh về quá trình tu hành và đắc đạo của đức Phật được trang trí hai bên tường, tranh được đắp bằng xi măng và mạ đồng do các nghệ nhân Hà Nội làm. Tranh không được tạc trực tiếp lên tường mà được các nghệ nhân tạc từ trước sau đó lắp ghép từng mảng lên tường. Các bức tranh đã mô tả các giai đoạn nổi bật nhất trong cuộc đời tu hành đắc đạo của đức Phật, được vẽ theo chu kỳ thời gian.

Bức một: Bức tranh Thái tử đản sinh.

Bức hai: Thái tử đi dạo bốn cửa thành, thấy cảnh "*sinh lão bệnh tử*".

Bức ba: Bức tranh đức Phật cảm nhận được nỗi khổ của chúng sinh và quyết tìm chân lý, cắt tóc đi tu.

Bức bốn: Bức tranh đức Phật áp dụng lối tu khổ hạnh nhưng không đắc đạo được.

Bức năm: Bức tranh thể hiện hình ảnh đức Phật giác ngộ dưới gốc cây bồ đề.

Bức sáu: Hình ảnh đức Phật độ cho năm anh em Kiều Trần Như là năm người bạn đồng tu với đức Phật.

Bức bảy: Hình ảnh đức Phật truyền đạo, giảng dạy cho chúng thánh.

Bức tám: Bức tranh "*Niêm hoa vi Tiếu*", đức Phật cầm hoa, thể hiện việc truyền giao y bát của đạo Phật cho Ca Diếp.

Bức chín: Bức tranh đức Phật nhập Niết Bàn.

Nếu không gian trong chùa thường nhỏ và thấp thì không gian trong nhà chính điện lại rất thoáng mát, uy nghi, hoành tráng. Sự kết hợp tài tình giữa kiến trúc phương Đông và kiến trúc của phương Tây, của ngôi chùa Việt Nam trong thiên niên kỷ mới nhưng lại được trang trí hoa văn thời Trần. Những bông hoa cúc được vẽ trên trần và khắc trên cửa chính đều là những hoa văn thời Trần. Sau tòa chính điện là một bức tranh lớn, vẽ Đạt Ma sư Tổ. Chiều cao của bức vẽ là 5m, rộng 7m, được mạ đồng rất tinh tế khiến người xem thoạt nhìn tưởng như tranh vẽ được làm hoàn toàn bằng đồng. Có thể nói, cả tòa chính điện là một công trình tuyệt mỹ, xứng đáng là trung tâm của Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử.

Phía sau tòa chính điện là nhà thờ Tam tổ, là nơi thờ ba vị tổ sư đầu tiên của thiên phái Trúc Lâm đó là đại đầu đà Trúc lâm Trần Nhân Tông, đệ nhị tổ Pháp

Loa và đệ tam tổ Huyền Quang. Trong nhà thờ có treo bức hoành phi "*Vô sư trí vô tôn*", trí tuệ không do thầy là tôn quý nhất, người tu hành phải khổ công tu hành gột rửa nội tâm cho thanh tịnh. Trong nhà thờ tam tổ có đôi câu đối:

" *Yên Tử non cao chư tổ mồi đèn truyền tâm ấn*
Trúc Lâm rừng vắng điều ngự nối đuốc lập tông phong"

Nếu như trong tòa chính điện được trang trí bởi bức tranh thể hiện quá trình tu hành đắc đạo của đức Phật thì nhà thờ Tam Tổ lại được trang trí bởi các bức tranh chăn trâu thể hiện 12 giai đoạn tu hành của một vị hành giả để đi đến quả vị tối cao.

Bên phải của nhà thờ là ảnh của một vị thiền sư, đó chính là chân dung viện trưởng Thiền sư Thích Thanh Từ, người đã chủ trương khôi phục thiền phái Trúc Lâm, nhen nhóm ngọn lửa Thần Tông Việt Nam. Hiện nay thiền sư đang nhập thất tại thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt.

Bên trái của nhà thờ là hình ảnh của Trần Nhân Tông xuất gia:

"*Áo mã kim đai theo dòng nước*
Chuông từ mõ trúc vọng chân không"

Trần Nhân Tông đã xuất bỏ ngai vàng, long bào để đổi lấy áo nâu của người tu sĩ bởi vì trên ngôi cao, vị vua anh hùng dân tộc này thấy mình chưa xóa hết được bể khổ của chúng sinh, ông mong muốn tìm thấy chân lý có thể giải thoát chúng sinh khỏi bể khổ. Vua đi tu không phải để trốn đời mà đi tu để nhập thế cứu đời cứu dân, làm vua chỉ chăm dân trăm họ, làm Phật cứu độ cả muôn loài. Bởi vậy tấm gương của vua Phật tuy ẩn mà hiện, tuy mờ mà sáng. Ngài bước khỏi các bình thường để vươn lên trở thành cái phi thường.

Hai bên tòa nhà chính điện là lầu trống và lầu chuông cũng được xây dựng theo kiến trúc cổ lầu. Phía tay phải của tòa chính điện là lầu trống, phía tay trái là lầu chuông.

Lầu chuông được nghệ nhân khắc đôi câu đối:

" *Hồi chuông thúc giục phong trần sớm tỉnh cơn mê*
Lời kệ nhẹ khuyên người cầu đạo quay về bến giác"

Ta có thể hiểu đôi câu đối đó là tiếng chuông của nhà Phật đã thức tỉnh du khách khi về đây lễ Phật sớm thoát khỏi dục vọng, những ham muốn tham lam của cuộc sống trần tục, những mê muội phàm tục. Lời kinh lời kệ của Phật nhẹ nhàng khuyên răn phật tử quay về bến giác.

Lầu trống được khắc đôi câu đối:

" *Trống phá vang rền phá vỡ vô minh thành chính giác*

Lời kinh cảnh tỉnh dẹp tan mê muội đạt quang minh"

Chuông được làm bằng đồng nguyên chất có tên là Đại Hồng Chung đúc tại cở sơ đúc Nguyễn Trường Sơn, 362 Bùi Thị Xuân, phường đúc Huế dưới sự chỉ đạo của nghệ nhân Nguyễn Văn Sính, chuông nặng 1,4 tấn. Trống được làm tại Sài Gòn, tang trống từ chín mươi đến một mét, chiều dài của trống 1,6m. Chuông và trống chỉ được dùng trong những ngày đại lễ và lúc 3 già sáng mỗi ngày.

Đi hết khu ngoại viện thì đến khu nội viện. Trong khu nội viện, Thiền đường là một kiến trúc rất quan trọng của thiền viện, là nơi các chư tăng hàng ngày nhập thiền. Thiền đường được xây dựng ở nơi cao nhất của thiền viện. Trước cửa thiền đường là vườn hoa và tháp Chân Nguyên, được xây dựng làm hai tầng, có cầu thang bước từ vườn hoa lên. Hiện nay trong Thiền đường có đặt ba pho tượng Phật, tượng Bồ Tát Văn Thù và tượng Bồ Tát Phổ Hiền, đó là ba pho tượng được đưa về Thiền viện từ những ngày đầu khánh thành. Lúc đầu tượng được thờ ở tòa chính điện. Sau này khi có tượng mới và to thì tượng được chuyển lên Thiền đường để thờ. Tượng được làm tại làng Ngũ Xá (Hà Nội).

Ở Thiền viện Trúc Lâm còn có nhà trưng bày, là nơi lưu giữ những hình ảnh, nền móng chùa Lân, những mảnh di vật tìm thấy trong quá trình xây dựng thiền viện và một số di vật khác do phật tử cung tiến. Các di vật được bố trí theo thứ tự. Nhà trưng bày dành riêng một khoảng không gian rộng để giới thiệu các sách, đĩa nói về Phật giáo. Nhà sách được sử dụng ngay cạnh nhà trưng bày, là nơi bán và giữ các sách viết về Phật pháp, về đường lối tu hành... Nhà khách là nơi tiếp khách của Thiền viện, được chia làm hai khu là khu dành cho phật tử, khách tham quan và khu dành cho các Ni sư khi về thiền viện.

Tất cả các công trình kiến trúc của Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử đều giản dị, đường nét thanh thoát hài hòa với cảnh núi rừng Yên Tử, phảng phất hồn thiêng dân tộc. Sự giản dị trong kiến trúc đó vẫn toát lên một quần thể kiến trúc hoành tráng nên thơ giữa cảnh núi trùng điệp, giữa rừng trúc bạt ngàn vi vu tiếng nhạc. Thiền viện là sự kết hợp hài hòa giữa thiên nhiên núi rừng Yên Tử với thanh quy nghiêm túc khoa học, đậm đà tính Phật giáo dân tộc, là sự kết hợp tinh tế giữa kiến trúc phương Đông, phương Tây tạo nên sắc thái riêng của Thiền viện.

2.2.2.3. Giá trị du lịch:

Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử với giá trị lịch sử và kiến trúc của mình đã thực sự là điểm du lịch hấp dẫn khách du lịch, phật tử bốn phương về đây tham quan lễ Phật.

Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử được xây dựng với tâm nguyện dựng lại một chứng tích của Phật giáo - của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử trên mảnh đất tổ nơi vị vua anh hùng dân tộc đã tu hành và lập nên một thiền phái mang tên Việt Nam. Đây là một chấm son trong lịch sử dân tộc nói chung, lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng. Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử còn là nơi lưu giữ những cổ vật của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử để giới thiệu về sự phát triển của thiền phái Trúc Lâm dưới triều đại nhà Trần cho đến ngày nay, qua đó giáo dục lòng yên nước và niềm tự hào dân tộc, là cơ hội khuyến khích Phật tử trong nước và ngoài nước trở về tìm hiểu nguồn gốc tu hành của tổ tiên mình., thăm lại quê hương, đất tổ để tìm hiểu về nguồn gốc lịch sử của "*đạo Phật Việt Nam*". Những năm gần đây, khách hành hương về Yên Tử ngày một tăng với mong muốn tìm về cõi Phật, tìm về chốn tổ của thiền phái Trúc Lâm để thấy được đường lối tu hành mà chư tổ thời xưa đã đắc đạo ở đó. Cái quý báu, cái linh thiêng của Yên Tử là nhờ người tu đắc đạo trên đó. Trên con đường hành hương về cõi Phật, về chốn tổ phật tử phải trải qua một chặng đường dài đầy gian khổ, mệt nhọc để đạt tới "*đỉnh thiêng Yên Tử*" chinh phục chùa Đồng với đỉnh cao 1068m so với mực nước biển với mong muốn tìm thấy sự thanh thản, tĩnh tâm, sống tự tại trong sinh tử, an ổn không não phiền, vượt qua ranh giới ngăn chia trong đời sống thường nhật của con người. Phật tử có cảm

giác an lành, bình an đó khi về thăm thiền viện Trúc Lâm Yên Tử. Không gian linh thiêng ở chốn tổ hòa quyện với cảnh trời của nong thiêng Yên Tử, phật tử sẽ được sống trong không gian Phật, được đàm đạo cùng các chư tăng, tìm hiểu về đạo Phật, về Thiền Tông và thiền phái Trúc Lâm.

Được xây dựng trên chính mảnh đất tổ, thiền viện hiện nay là trung tâm của Phật giáo miền Bắc, góp phần mở rộng và phát huy tinh thần Phật giáo Việt Nam đến mọi tầng lớp quần chúng nhân dân, phát triển quy mô trong nước và ra thế giới.

Với tất cả những lợi thế trên, Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử đã trở thành điểm dừng chân của phật tử, tín đồ mong muốn tìm về chốn tổ, tìm về chiếc nôi của "*đạo Phật Việt Nam*". Thiền viện đã góp phần cùng Ban quản lý di tích lịch sử danh thắng Yên Tử xây dựng một khu di tích danh thắng cho Quảng Ninh và cho đất nước Việt Nam.

Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử cùng với khu di tích Yên Tử góp phần phát triển kinh tế cho nhân dân địa phương, phát triển loại hình du lịch tâm linh, du lịch Thiền ở Yên Tử.

2.3. Tiềm năng phát triển du lịch Thiền (Zen tourism) của Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử:

Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử là một trong hai Thiền viện lớn nhất ở miền Bắc. Thiền viện là công trình kiến trúc độc đáo được xây dựng với tâm nguyện dựng lại một chứng tích của Phật giáo Việt Nam, của dòng thiền Trúc Lâm - một nét son trong lịch sử dân tộc. Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử là một công trình kiến trúc mang bản sắc văn hóa dân tộc, bản sắc kiến trúc mỹ thuật truyền thống, có tính kế thừa và phát huy theo tiến trình phát triển của xã hội ở từng thời điểm. Thiền viện có giá trị về mặt lịch sử, tôn giáo, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật riêng và tồn tại trong tâm thức của người Việt Nam, được lưu truyền và chảy thành dòng chảy lịch sử, đứng vững trước những thử thách khắc nghiệt của thời gian, những giá trị đó luôn tồn tại và là nền tảng cho sự phát triển xã hội. Thiền viện là một công trình tôn giáo tiêu biểu cho thế hệ hôm nay nhằm hướng về các giá trị trong sáng chứ không phải là sự lặp lại hình thức quen thuộc của các ngôi chùa cổ trước.

Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử nằm trong tổng thể khu di tích danh thắng Yên Tử đầy đủ tiềm năng để khai thác du lịch. Ngoài du lịch tham quan, hành hương, dã ngoại, nơi đây có thể phát triển một loại hình du lịch mới là du lịch Thiền (Zen tourism).

Mặc dù các thiền viện trong miền Nam hơn hẳn các thiền viện ở miền Bắc về giá trị cảnh quan và công sức đầu tư, song có thể nói rằng Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử cũng hội tụ trong mình đầy đủ những giá trị bà tiềm năng để khai thác loại hình du lịch Thiền. Trước hết, Thiền viện nằm trong khu di tích và danh thắng Yên Tử nổi tiếng cả nước mà mỗi năm thu hút hàng vạn lượt khách tới tham quan. Thứ hai, Thiền viện được trời phú cho một cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, khoáng đạt, một hệ thống động thực vật phong phú có thể khiến cho du khách say lòng. Trên tất cả, Thiền viện mang trong mình những giá trị lịch sử và tâm linh vô cùng sâu sắc, là cái nôi của Thiền Tông Việt Nam. Và như thế, thiền viện Trúc Lâm Yên Tử đã kết tinh trong mình sự linh thiêng của tâm hồn và tâm thức dân tộc. Cùng với đó là những giá trị văn hóa hàng xuyên mà ông cha ta để lại qua hàng ngàn năm lịch sử. Không phải bỗng nhiên mà trong không gian của mỗi ngôi Thiền viện bao giờ cũng có một khoảng không rộng lớn dành riêng cho cây cỏ. Nơi đó hội tụ những hoa thơm, thảo dược... Người Việt Nam vốn có truyền thống hòa mình vào thiên nhiên cây cỏ, và truyền thống đó được tiếp nối và được thực thi một cách tuyệt vời bởi các vị Thiền sư. Có thể nói sự có mặt của cây cỏ chính là hình ảnh "*vườn Thiền*" Việt Nam, không cầu kỳ hoa mỹ như các tế bonsai trong vườn thiền Trung Hoa, không góc cạnh triết lý thâm sâu như vườn thiền Nhật Bản mà nhẹ nhàng, đi sâu vào lòng người, hồn người như một phần thiết yếu của cuộc sống. Đến với không gian Thiền trong Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, du khách như được cảm nhận sâu sắc triết lý "*cư trần lạc đạo*" (vui đạo ở giữa đời) mà đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông đã gửi gắm khi tạo lập dòng thiền của riêng người Việt Nam. Và nếu biết quy hoạch hợp lý dành riêng cho một không gian riêng biệt, chắc chắn không gian vườn trong Thiền viện Yên Tử sẽ sớm trở thành "*vườn*

Thiền" - một sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng của loại hình du lịch Thiền - từ lâu đã được những nước như Trung Hoa, Nhật Bản khai thác.

Bên cạnh không gian vườn, Thiền viện Yên Tử có nhiều tiềm năng khác để phát triển loại hình du lịch Thiền. Với các công trình được xây dựng như Thiền đường, Trai đường và nhà khách cho phép Thiền viện có thể mở cửa đón du khách về đây tu tập thiền và thưởng thức hương vị của nghệ thuật ẩm thực chay. Ngoài ra, cũng giống như Trung Hoa, Nhật Bản, ở đây hoàn toàn có thể phát triển nghệ thuật uống trà hay "trà đạo". Nằm trong không gian văn hóa Á Đông, Việt Nam từ lâu cũng có lịch sử trà đạo của riêng mình. Nếu như trà Trung Hoa cầu kỳ ở cách thức pha chế, ở tên gọi; Trà Nhật Bản cầu kỳ ở nghi thức uống trà thì trái lại vẻ đẹp của trà đạo Việt Nam lại ở sự giản đơn mà tinh tế đến không ngờ. Chỉ cần một bộ bàn ghế nhỏ, một bộ ấm chén, một vài thực khách được xếp đặt trong một không gian có lá hoa, cây cỏ - như thế đã làm nên nghi thức uống trà của người Việt Nam. Những người sành trà nói rằng cái ngon của trà Trung Hoa do không khí thưởng thức và nghi thức thành kính, trang nghiêm; còn cái ngon của trà Việt Nam nằm ngày trong chính vị trà, tách trà và tâm hồn người uống trà. Dù cũng có nhiều loại, song cái vị chung của trà Việt Nam khi mới uống vào là chát, xuống đến cở rồi mới cảm nhận vị ngọt đang lan tỏa, khi uống xong là một cảm giác thật sảng khoái, thư thái, lâng lâng. Những cảm xúc và tâm trạng ấy cũng giống như khi người ta nếm trải những vị chua ngọt ở đời. Và như thế tách trà nhỏ bé chứa đựng trong mình một triết lý nhân sinh vô cùng sâu sắc. Tuy nhiên để chén trà Việt Nam đến được với du khách, để tâm hồn Việt Nam được cảm nhận tinh tế, thiết nghĩ không có nơi đâu thích hợp hơn là không gian của một khu vườn Thiền. Hay nói cách khác, thưởng thức trà mang hương vị Thiền Tông, đắm mình trong không gian của Thiền viện chính là một cách tốt nhất để gột rửa sạch bụi bặm của tâm hồn.

Như vậy, vừa có tiềm năng nội tại, vừa được bề dày văn hóa truyền thống hậu thuẫn, Thiền viện Trúc Lâm Yên tử hoàn toàn có đủ khả năng khai thác loại hình du lịch Thiền - một loại hình còn khá mới mẻ ở Việt Nam. Vấn đề là ở chỗ phải làm sao để những người làm du lịch cùng với những người hoạt động tôn giáo

nhận thức được tiềm năng đó, chủ động khai thác nó để hình ảnh du lịch Việt Nam và Phật giáo Việt Nam ngày càng được biết đến sâu rộng hơn trong lòng bạn bè và du khách quốc tế.

2.4. Thực trạng hoạt động du lịch Thiền:

2.4.1. Hoạt động tu thiền tại Thiền viện Trúc Lâm - Yên Tử:

Thiền viện là nơi tổ chức các hoạt động Phật sự cho tăng ni và Phật tử, nhân dân trong vùng. Hoạt động chính của Thiền viện là quản lý các hoạt động tu tập của các tăng ni, hoằng pháp cho nhân dân và Phật tử. Các Phật tử đến nghe giảng pháp, nghe giảng kinh, tu tập để cầu an và mong muốn giải thoát cho tâm hồn. Các hoạt động tu tập thiền định được tổ chức thường xuyên và có chương trình cụ thể.

Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử có các khóa tu thiền 1 ngày, 3 ngày và hàng tháng, hàng năm. Các Phật tử có thể đăng ký trực tiếp với thiền viện để thu xếp lịch tu tập. Thông thường, lịch tu tập 1 ngày gồm các hoạt động sau:

7h30:	Phật tử vân tập về thiền viện
8h00:	Khóa lễ sám hối 6 căn và tụng tam quy ngũ giới
9h30 - 11h00:	Sinh hoạt Phật pháp
11h15 - 1200:	Thọ trai
13h00 - 14h00:	Chỉ tịnh
14h00 - 15h00:	Tọa thiền
15h30 - 16h00:	Sinh hoạt Phật pháp
16h30:	Hoàn mãn

Ngoài chương trình tu học 1 ngày cho các Phật tử có ít thời gian, các hoạt động tu tập hàng năm như các đạo tràng an cư kiết hạ thông thường kéo dài từ 1 đến 3 tháng được thực hiện liên tục và chương trình tu tập cụ thể, kéo dài thường từ 3h30 đến 22h00 hàng ngày.

Sự phát triển của đạo Phật hiện nay tại Việt Nam có thể đánh giá đang ở giai đoạn phát triển thịnh vượng, các hoạt động của đạo Phật đều hướng con người đến cuộc sống chân - thiện - mỹ, và các vấn đề xã hội rất quan tâm trong đó phải kể đến các hoạt động trợ giúp giáo dục, định hướng cho các thanh thiếu niên trong

quá trình hội nhập với nền kinh tế mà các giá trị tinh thần để giữ đạo đức trong cư xử là yếu tố cấu thành nên giá trị xã hội. Nhằm đáp ứng các vấn đề này và nhu cầu rất đông của các gia đình Phật tử, dưới sự chỉ đạo của giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thiền viện đã lập các lớp học khóa tu cho các thanh thiếu niên, các hội trại hè Phật tử, các Phật tử có nhu cầu tu tập và các hoạt động này thực sự là nền tảng cho các hoạt động du lịch Thiền sau này.

Hoạt động tu thiền hoặc đơn giản hơn các phương pháp tọa thiền đã được quảng bá thông qua nhiều chương trình thông tin đại chúng, qua báo chí, đài truyền hình, internet và không phân biệt đối tượng dù là người lao động chân tay hay lao động trí óc.

Nhiều tác phẩm mới được ra đời phục vụ cho nghiên cứu và tu học của tăng ni và Phật tử có giá trị như quyển: Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Thiền Tông Đốn Ngộ, Trần Nhân Tông với thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Đạt Ma Tổ Sư luận giảng giải, Thập mục ngưu đồ, Đức Phật là bậc thầy dẫn đường, Thông điệp đức Phật ra đời, Cửa Thiền hé mở, Từng bước an vui...

Về kinh còn có: Kinh Kim Cang giảng lục, Kinh Pháp Hoa giảng giải 3 tập...

Thiền viện đã thực sự góp phần nhỏ bé của mình vào kho tàng Phật học Việt Nam và Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Trong đó hầu hết những tác phẩm này đều do Thượng tọa Thích Thông Phương trụ trì Thiền viện trước tác.

Như vậy có thể thấy, các hoạt động Phật sự đã góp phần vào các hoạt động kinh tế - xã hội trong đó phải kể đến việc giáo dục đạo đức cho Phật tử, tạo ra lối sống lành mạnh, tạo ra sự lớn mạnh của đạo Phật. Tuy nhiên vẫn còn những vấn đề cần phát triển hơn nữa mới có thể tạo tiền đề để có thể khai thác phục vụ du lịch Thiền như: tăng cường gửi các tăng ni, du học sinh học tập tại các Thiền viện nước ngoài để có điều kiện sử dụng các ngôn ngữ khác nhau phục vụ cho hoạt động trao đổi giáo pháp với các quốc gia khác chưa kể việc học các ngôn ngữ văn bản gốc của đạo Phật như chữ Phạn, Pali để nghiên cứu một cách thấu đáo các bản gốc. Đẩy mạnh các hoạt động Phật sự hơn nữa và thiết thực để tạo tiền đề cho nhu cầu

tu tập của Phật tử và là nhu cầu cho các hoạt động du lịch Thiền nội địa ngày càng phát triển.

2.4.2. Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch Thiền:

2.4.2.1. Giao thông:

Yên Tử nằm trong địa bàn của thị xã Uông Bí, một thị xã có đường quốc lộ 18A, 18B, đường 10 chạy qua nối liền Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh Duyên hải Bắc Bộ với thành phố Hạ Long - một trung tâm kinh tế, du lịch thương mại của Quảng Ninh và cửa khẩu Móng Cái. Từ Đông sang Tây có đường xe lửa quốc gia chạy qua. Phía Nam có sông Bạch Đằng chảy từ Tây sang Đông, sông Uông, sông Sinh bắt nguồn từ phía Bắc, chạy qua thị xã nối vào sông Bạch Đằng, thuyền bè có thể đi từ Uông Bí ra các huyện như: Yên Hưng, thành phố cảng Hải Phòng rất thuận lợi. Hơn nữa, từ đường 18A khách du lịch có thể đi vào thiền viện Trúc Lâm Yên Tử bằng 2 đường:

+ Một đường đi từ ngã ba Dốc Đỏ vào Thiền viện: đây là con đường trải nhựa. Tuy nhiên về cơ bản đoạn đường này còn nhỏ, nhiều đoạn dốc cao, cua nguy hiểm, việc hai xe khách lớn tránh nhau trên cùng một đoạn đường là rất khó khăn... Đây cũng là vấn đề đang được đề cập rất nhiều trong kế hoạch đầu tư.

+ Đường thứ hai, khách du lịch có thể đi qua trung tâm thị xã Uông Bí đến cột Đồng hồ (trước nhà máy điện Uông Bí) đi vào đường mỏ than Vàng Danh, đến Cầu Lán Tháp rẽ trái, sau đó đến ngã tư Nam Mẫu rẽ phải và đi thẳng tới thiền viện Trúc Lâm (tất cả các đoạn rẽ đều có biển chỉ dẫn đường). Đoạn đường này do hỏng, vỡ, ổ gà khó đi nên khách du lịch thường ít hơn. Mặt khác, đây là đường xe chở than thường chạy qua, do đó nhiều bụi bẩn. Tốt nhất là đi đường Dốc Đỏ.

Ở một địa thế có lợi thế về giao thông đường sắt, đường bộ và đường thủy. Do đó khách du lịch có thể đến với Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử một cách dễ dàng, thuận thiện về nhiều mặt.

2.4.2.2. Hệ thống thông tin liên lạc:

Yên Tử đã có các trạm phát sóng điện thoại di động, do đó ngày cả khi đứng trong Thiền viện vẫn có thể sử dụng điện thoại di động để liên lạc đi mọi nơi. Yên

Tử cũng có Bưu điện ở ngay khu vực bến xe Giải Oan và bưu điện Nam Mẫu, có các bốt điện thoại thẻ trên dọc đường đi vào thiền viện, tại các quán có dịch vụ điện thoại phục vụ cho khách du lịch có thể gọi đi bất cứ đâu trong cả nước.

2.4.2.3. Hệ thống cung cấp điện nước:

Yên Tử đã có hệ thống điện lưới quốc gia và nhiều trạm biến áp, có thể cung cấp đủ cho nhu cầu sử dụng. Hiện nay hệ thống điện đã cung cấp cho Thiền viện và đến tất cả các chùa trên núi.

Hơn nữa, về nước sinh hoạt, do ở khu vực dưới thấp nên Thiền viện không phải lo lắng về vấn đề nước sạch vì lượng nước giếng đào, giếng khoan tương đối nhiều, nguồn nước này nói chung đảm bảo vệ sinh và cung cấp đủ nước sinh hoạt cho hoạt động du lịch.

Một điều đặc biệt là hiện nay Yên Tử đã xây dựng được nhà máy lọc nước và đóng chai có thể cung cấp nước uống, nước sinh hoạt cho tất cả các nhà hàng, nhà nghỉ, hàng quán dịch vụ và nhu cầu khác nhau của khách du lịch.

Nhìn chung, cơ sở hạ tầng của khu du lịch Yên Tử và Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử đã và đang ngày càng phát triển theo chiều hướng tốt. Những tiến bộ mới trong cơ sở hạ tầng sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch nói chung ở Yên Tử và du lịch Thiền nói riêng ở Thiền viện Trúc Lâm diễn ra quanh năm.

2.4.2.4. Các công trình kiến trúc:

Đặc điểm chính của các tour du lịch Thiền khi được thiết kế là điểm đến là các công trình mang kiến trúc Phật giáo Việt Nam hoặc có ảnh hưởng phái sinh từ văn hóa đạo Phật. Trong số các công trình kiến trúc quan trọng nhất phải kể đến là các ngôi chùa, các thiền viện và các quần thể du lịch tâm linh.

Với hiện trạng Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử hiện nay có thể khẳng định các công trình kiến trúc đáp ứng được nhu cầu du lịch Thiền với đầy đủ nội dung, gồm các công trình phụ trợ như sau:

1. Đại Điện (Đại Hùng Bảo Điện): là nơi diễn ra các hoạt động giảng pháp hoặc thực hành các khóa niệm như sám hối lục căn... Không gian của Đại Điện đủ lớn để cho các Phật tử, du khách ngồi nghe giảng pháp.

2. Thiền đường: là nơi diễn ra các hoạt động thực hành tọa thiền hàng ngày của tăng ni và Phật tử tu thiền.

3. Nhà thọ trai (Thực dưỡng đường): nơi an uống của tăng ni và Phật tử.

4. Khuôn viên: thực hành hoạt động thiền hành.

5. Khu nhà ở: gồm cả khu dành cho tăng, cho ni riêng biệt và phục vụ các tăng ni đến tham dự các khóa đạo tràng an cư kiết hạ và các Phật tử, du khách đến tham dự các khóa tu thiền tại Thiền viện.

Ngoài các công trình kiến trúc trên còn có các công trình đảm bảo cho hoạt động thường xuyên của Thiền viện như các công trình nhà vệ sinh thân thể cá nhân, phục vụ du khách; các công trình gác chuông, gác khánh cho đến các khu vực công cộng đảm bảo cho các hoạt động lễ hội của Thiền viện, nơi để xe xủa du khách...

2.4.3. Lao động trong du lịch Thiền:

Đặc điểm nổi bật của lao động trong hoạt động du lịch Thiền chính là sự đóng góp tham gia của hệ thống các tăng ni trong việc trải nghiệm loại hình du lịch hoặc các sự hướng dẫn của những hướng dẫn viên, giáo viên có kinh nghiệm tập Thiền (Thiền định theo đạo Phật hoặc Thiền Yoga) hay giảng pháp, đồng thời cùng với sự am tường, hiểu biết của hướng dẫn viên tham gia trong chuyến tour.

Với các đối tượng được kể là lao động trực tiếp tại Việt Nam nói chung và tại Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử nói riêng hiện nay trong loại hình du lịch này có các đặc trưng và đặc điểm khác biệt so với các hình thức lao động khác:

- Các tăng ni tham gia vào việc hướng dẫn tu thiền thường là các vị cao tăng, có kiến thức am hiểu Phật pháp và hướng dẫn tu thiền cho du khách, họ hoạt động không phải vì lợi nhuận và để được trả lương từ các doanh nghiệp lữ hành. Mặc dù vậy, số lượng cao tăng có thể sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) trong trường hợp đối với các đoàn khách quốc tế hầu như không có và đây chính là sự hạn chế rất lớn đối với việc có thể đáp ứng nhu cầu tu tập của khách quốc tế.

- Các tăng ni trong Thiền viện không được đào tạo về nghiệp vụ du lịch như là các nhân viên trong ngành nên sự đảm bảo các tiêu chuẩn du lịch là rất khó khăn, từ chuẩn mực giao tiếp đến việc đáp ứng các nhu cầu của khách hàng.

- Các giảng viên Yoga chuyên nghiệp để tham gia thực hiện các chuyến tour là rất hiếm bởi các hoạt động Yoga hiện nay tại các thành phố lớn mới có và phần lớn hoạt động tập Yoga chỉ là một sở thích của họ, hoặc họ hướng dẫn tập chỉ là mục đích làm tăng thêm thu nhập, tu tập cho chính mình.

- Các lao động khác như hệ thống nhân viên của các doanh nghiệp lữ hành từ nhân viên bán hàng, marketing cho đến các hướng dẫn viên đều chưa có kinh nghiệm về hoạt động du lịch Thiền này. Các hoạt động thực tế thường là các hoạt động thuyết minh của hướng dẫn viên về kiến trúc của điểm đến, sự tích một số pho tượng, di vật tại các điểm đến hoặc các câu chuyện về các vị thiền sư, vị tổ của thiền phái mà chưa có kiến thức sâu sắc về Phật học.

Nhìn chung, cơ cở vật chất kĩ thuật phục vụ cho hoạt động du lịch thiền nói riêng, có thể kết hợp với du lịch văn hóa, lễ hội và các loại hình du lịch khác về căn bản mới đáp ứng được 50%. Nguyên nhân chính ở đây là các lao động tham gia trong lĩnh vực hoạt động du lịch Thiền chưa đủ số lượng và chất lượng để có thể thực hiện các chuyến du lịch Thiền phục vụ nhu cầu nội địa hoặc quốc tế.

2.4.4. Nguồn khách và khả năng đáp ứng của các nhà cung cấp:

Do xu hướng phát triển du lịch của cả nước nói chung và du lịch Quảng Ninh nói riêng, với ưu thế nổi trội về nguồn tài nguyên, hấp dẫn cả nguồn tài nguyên du lịch nhân văn lẫn tự nhiên, nên điểm du lịch Yên Tử trong những năm gần đây ngày càng thu hút được nhiều khách du lịch đến thăm. Thành phần khách rất đa dạng.

Thống kê hàng năm của các cơ quan chức năng: Mỗi năm, lượng người hành hương về Yên Tử, kể cả trong mùa lễ hội cũng như rải rác trong các tháng, đều năm sau cao hơn năm trước một cách đáng kể. Năm 2004, con số thống kê số lượt khách tham quan khu di tích Yên Tử cả năm là 404.700 người; đến năm 2005, tăng lên là gần 615.000... Và từ năm 2006 trở đi, số du khách lên Yên Tử trong năm bắt

đầu tính bằng con số gồm 7 chữ số; đặc biệt năm 2009, con số này là hơn 2.100.000 người, cao gấp đôi so năm 2008. Theo dự tính của các nhà quản lý, năm 2010 này lượng khách lên Yên Tử sẽ cũng đông hơn, có thể sẽ tới khoảng 2,6 - 2,7 triệu lượt người/năm. Và thực tế, điều đó là hoàn toàn có thể, bởi chỉ trong những ngày đầu mùa lễ hội năm nay, số lượng khách đến với Yên Tử đó phỏ vỡ các "*kỷ lục*" của những năm trước (chỉ tính trong ngày khai hội, số lượng người có mặt tại Yên Tử năm nay đó là trên dưới 10 vạn người, cao gấp 1,5 lần so với năm ngoái, năm đạt kỷ lục cao nhất đến thời điểm đó)...

Trong cơ cấu khách đến với Yên Tử, vẫn chủ yếu khách nội địa, với các nguồn khách chủ yếu là các tỉnh thuộc khu vực đồng bằng duyên hải Bắc Bộ và nhân dân trong tỉnh, chiếm gần như tuyệt đối. Khách nội địa đến Yên Tử chủ yếu đi theo nhóm vài chục người tự tổ chức, thường không có hướng dẫn viên đi kèm, một số đi tự do theo nhóm vài người, thường chuẩn bị thức ăn sẵn hoặc ăn lẻ tại các nhà hàng ở Yên Tử. Các đoàn du lịch đi theo tour của các công ty lữ hành thường có hướng dẫn viên du lịch. Họ đặt cơm trưa tại các nhà hàng trước khi đến với các dịch vụ khác. Do đó, kể cả trong những ngày cao điểm, các đối tượng này vẫn được ưu tiên hơn.

Khách nước ngoài đến Yên Tử rất ít, chiếm tỷ lệ cực nhỏ. Điều này được giải thích là do Yên Tử chưa được các nhà hoạch định tour phục vụ khách du lịch nước ngoài nhiều; cũng là do cơ sở hạ tầng tại Yên Tử có nhiều tiến bộ so với trước đây nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu rất khắt khe của du khách, đặc biệt là du khách nước ngoài - vốn có nhu cầu rất cao. Thị trường khách quốc tế quan tâm đến Yên Tử chủ yếu là các quốc gia có đạo Phật như Thái Lan, Trung Quốc, Nhật Bản... Khách phương Tây tại Yên Tử chủ yếu với mục đích đến ngắm cảnh, tham quan, nghiên cứu văn hóa, sinh thái... Và thực sự, Yên Tử chưa có tính hấp dẫn cao đối với khách du lịch nước ngoài.

Lượng khách đến Yên Tử ngày càng tăng là cơ hội để du lịch Thiền ở Thiền viện Trúc Lâm phát triển, nếu biết quy hoạch, khai thác hợp lý, tăng cường sự

quảng bá rộng rãi cho mọi du khách, bên cạnh đó cũng cần sự quan tâm đầu tư của các cấp, ngành và những người làm trong lĩnh vực du lịch.

Hoạt động du lịch Thiền nói chung tại Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử tính đến thời điểm hiện nay đã đảm bảo cho các du khách tại các điểm đến mặc dù trong mùa vụ du lịch vẫn có những thay đổi bất thường đặc biệt là vào các dịp lễ hội đầu năm tại Yên Tử luôn trong tình trạng hết công suất hoặc vượt công suất của điểm đến dẫn đến tình trạng không kiểm soát được và chất lượng các dịch vụ cung cấp không đảm bảo. Ngược lại, vào những thời điểm cuối năm hoặc vào mùa đông thì ở đây rất vắng vẻ, hầu như không có du khách.

Khả năng đáp ứng của điểm đến và các đơn vị tổ chức lữ hành tính đến thời điểm hiện nay và với nguồn khách nội địa hiện tại có thể đảm bảo, tuy nhiên các du khách phần lớn đến Thiền viện dự các khóa tu tập trên căn cứ tự tổ chức hoặc theo chương trình của một hội Phật tử chủ động tự tổ chức mà chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp lữ hành.

2.4.5. Hiện trạng các tour du lịch Thiền:

Các du khách nội địa cũng như các du khách quốc tế đến Việt Nam luôn có một mong ước đến Vịnh Hạ Long để tham quan di sản thiên nhiên của thế giới và với không quá 5h xe ôtô từ Hà Nội là du khách có thể tới Vịnh Hạ Long để ngắm cảnh. Tour du lịch Hà Nội - Hạ Long có rất nhiều và hầu hết các doanh nghiệp lữ hành nào trên địa bàn Hà Nội cũng có các tour du lịch này cung cấp cho du khách nhất là vào dịp hè.

Với đặc thù và tiềm năng du lịch Thiền sẵn có của tỉnh Quảng Ninh - nơi tổ chức lễ hội Yên Tử hàng năm và là nơi khởi nguồn của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử nên việc tổ chức hoạt động du lịch của Quảng Ninh là một thế mạnh.

Các chương trình tour du lịch tổ chức đi Hạ Long hoặc đi lễ hội Yên Tử thường gồm 2 ngày - 1 đêm hoặc dài hơn với các điểm đến khác nhau hoặc kết hợp: Cát Bà, Bái Tử Long, Quan Lạn, Tuần Châu...

Chương trình lễ hội Yên Tử thường chỉ đi một ngày hoặc đi từ chiều hôm trước để ngày hôm sau leo núi sớm, các chương trình đi du lịch này đều có chương

trình qua Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử nhưng chỉ là lễ Phật dâng hương và mua một số ấn phẩm của Thiền viện: sách, đĩa VCD mà không có chương trình tu tập nào mang tính chất và đặc điểm du lịch Thiền.

*** Xây dựng và khai thác tour du lịch Thiền Hà Nội - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử:**

Căn cứ trên hoạt động chính của các lớp tu Thiền và các khóa tu tập của Thiền viện và kết hợp với kinh nghiệm tổ chức các chuyến tour du lịch Thiền của các quốc gia. Trước hết, chuyến tour được thiết kế với nội dung từ 2 đến 3 ngày tại Thiền viện và tập các khóa tu theo chương trình của Thiền viện. Như vậy, chương trình chuyến tour sẽ gồm các nội dung chính sau:

+ Tour 2 ngày trở lên: Xe xuất phát từ Hà Nội đến Thiền viện nhận chỗ ngủ, tuân thủ các quy định của Thiền viện và có thể bắt đầu chương trình tu tập của mình theo chương trình của Thiền viện.

7h30 : Phật tử vân tập về Thiền viện

8h00 : Khóa lễ sám hối 6 căn và tụng tam quy ngũ giới

9h30 - 11h00 : Sinh hoạt Phật Pháp

11h15 - 12h00 : Thọ trai (ăn chay)

13h00 - 14h00 : Chỉ tịnh

14h30 -15h00 : Tọa thiền

15h30 -16h00 : Sinh hoạt Phật Pháp

16h30 : Hoàn mãn

Việc khai thác các chuyến tour du lịch Thiền thuần túy đòi hỏi việc quảng bá được lợi ích của việc thiền định và có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các doanh nghiệp tổ chức đối với Thiền viện bởi vì các Thiền viện chỉ có giới hạn nơi nghỉ ngơi, điểm tổ chức ăn uống và nơi tổ chức các hoạt động giảng pháp, tọa thiền... Các du khách có nhu cầu sinh hoạt như một vị tăng ni có thể tham gia các khóa an cư hoặc các lớp tu tập dài hạn và khi đó thời gian biểu sẽ kéo dài từ 3h30 sáng cho đến 21h00.

Tiểu kết chương 2

Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử được xây dựng với tâm nguyện thắp sáng ngọn đèn chánh pháp tại chốn Tổ, dựng lại một chứng tích của Phật giáo Việt Nam và của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, đáp ứng kịp thời nhu cầu tín ngưỡng cho nhân dân và Phật tử hành hương về đây lễ Phật... Với việc chứa đựng trong mình những giá trị lịch sử, giá trị kiến trúc và mĩ thuật vô giá, Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử thực sự trở thành điểm du lịch "*không thể không đến*" trong mỗi dịp hành hương về nơi đất Tổ Phật giáo Việt Nam. Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử hôm nay và mai sau sẽ mãi là nơi linh thiêng, tôn quý cho các thiện nam tín nữ hàng năm về bái vọng như hướng về một miền nguồn cội tâm linh.

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM PHÁT TRIỂN DU LỊCH THIỀN TẠI THIỀN VIỆN TRÚC LÂM – YÊN TỬ

3.1. Xây dựng nhận thức khai thác Zen tourism:

Đối với các thiền sư những người hành đạo và theo đạo: Cần phải cho họ thấy Zen tourism là loại hình du lịch mới có nhiều tiềm năng, có nhiều giá trị đẩy mạnh khai thác để họ chủ động tiếp nhận hoạt động du lịch Thiền tại các thiền viện của mình như mở các hoạt động du lịch Thiền, đồng thời là các hướng dẫn viên trực tiếp cho du khách, giới thiệu cho du khách biết về Phật giáo Việt Nam và Thiền phái Trúc Lâm, nâng cao vị thế của các thiền viện, giúp thực hiện tôn chỉ gắn việc Đạo với việc Đời. Tôn giáo không chỉ là di sản của quá khứ mà cần phải được thực hành trong đời sống hiện đại mới có giá trị.

Đối với những người làm du lịch (Công ty du lịch, Hướng dẫn viên du lịch, Du khách): Xây dựng nhận thức cho họ đây là một loại hình du lịch mới mẻ, có nhiều khác biệt so với loại hình du lịch khác nên phải có sự chuẩn bị đầy đủ về mặt tinh thần khi tiếp nhận hình thức du lịch này, phải lịch sự, trang nghiêm thành kính, phải có ý thức tham gia giữ gìn bảo tồn những giá trị, không nên chỉ có tâm lý hưởng thụ, phải tham gia hết mình để thực sự cảm nhận được giá trị của du lịch Thiền.

Đối với dân cư địa phương: Làm cho họ hiểu về giá trị, ý nghĩa của du lịch Thiền để có thái độ tôn trọng du khách, có ý thức giữ gìn bảo vệ tài nguyên môi trường.

3.2. Tạo nguồn khách thông qua các hoạt động hướng dẫn thực hành Thiền:

Nhu cầu du lịch ai cũng có nhưng nhu cầu tập thiền định hoặc Yoga thì chưa có nhiều; ngoài ra việc gắn các hoạt động này vào du lịch thuần túy khiến cho du khách chưa thực sự cảm thấy hợp lý. Rút kinh nghiệm từ du lịch thiền của Thái Lan gồm các hoạt động dịch vụ du lịch tổng hợp như: đi thăm quan + tu tập một trong vài ngày tại một ngôi chùa khiến cho tính chất của chuyến du lịch mang tính hỗn hợp. Đây cũng là một phương pháp tiếp cận dần dần nguồn khách thuần túy tham gia các hoạt động du lịch Thiền để họ tham gia một phần hoạt động đó rồi mới khơi dậy nhu cầu thực sự của họ.

Để đẩy mạnh được nguồn khách tham gia các chuyến tour Thiền tại Yên Tử nói riêng và Việt Nam nói chung, các hoạt động hoằng dương Phật pháp cần đưa vào thêm các hoạt động thiền định nhằm tạo ra tiền đề cho việc tọa thiền cũng như hoạt động du lịch Thiền. Hoạt động tu tập và tổ chức cho các thanh niên cần triển khai sâu rộng hơn nữa. Chính các thanh niên và các hoạt động tu thiền này là nền tảng cơ bản để tổ chức các tour du lịch Thiền.

3.3. Quy hoạch lại không gian du lịch Thiền của Thiền viện:

Ngoài nơi sinh hoạt tu tập của chư tăng, nên quy hoạch riêng những công trình giành cho hoạt động du lịch Thiền của du khách. Ví dụ: Xây dựng thiền đường dành riêng cho du khách tu tập Thiền bên cạnh Thiền đường của chư tăng, xây dựng trai đường nơi thưởng thức ẩm thực chay, xây dựng giảng đường nơi giảng đạo thuyết pháp, xây dựng thư viện để cho du khách đến đọc sách, tìm hiểu nghiên cứu về Phật học, giáo lý thiền phái Trúc Lâm..., mở rộng quy mô nhà khách để có thể đón lưu lượng khách nhiều hơn.

3.4. Xây dựng sản phẩm du lịch Thiền tại Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử:

3.4.1. Mở các khóa tu tập thiền dành cho mọi đối tượng:

Ngoài tăng ni phật tử, bất kỳ ai cũng có thể tham gia các khóa học này. Có thể mở các khóa tu tập bảy ngày, một ngày, khóa tu mùa hè hay khóa tu dành cho những người khiếm thị, khuyết tật. Các hoạt động khách có thể tham gia trong các khóa tu như tọa Thiền, nghe giảng đạo, thuyết pháp, ăn chay, học pháp lý, tham gia hội thảo, viết kinh phật thư pháp... mục đích nhằm nâng cao thể lực, trí lực sống đời sống như một hành giả, làm cho tâm hồn thanh thản trước khi quay trở lại cuộc sống lo toan vất vả đời thường.

3.4.2. Đa dạng hóa các dịch vụ du lịch cho Zen tourism:

Khi tham gia du lịch Thiền, du khách có cơ hội thưởng thức các hoạt động như:

Vãn cảnh trong vườn Thiền: Ngắm hoa, cây cỏ, suy ngẫm về triết lý cuộc đời, tìm hiểu cách bố cục một khu vườn Thiền, tận hưởng thiên nhiên kỳ thú. Tuy nhiên vườn Thiền ở Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử còn đơn giản, cần phải đầu tư thêm nhiều chất liệu như đá, cát, sỏi và nước để tạo ra một mô hình không gian mở

rộng, khoáng đạt của núi rừng. Nhưng cần chú trọng nhiều loại cây gần gũi với người Việt chỉ tạo không gian thân quen và thanh tịnh.

Vẽ tranh, viết tranh chữ (thư pháp): Tranh thiền là loại tranh vẽ khó thực hiện vì đòi hỏi người vẽ có sức tập trung cao. Được vẽ trên một loại giấy rất mỏng, dễ rách nên nét vẽ không thể dừng lâu ở một chỗ và cũng không thể bôi sửa vì sẽ làm rách giấy. Mỗi một nét vẽ cần có sự định thần và vét vẽ đi cọ phải rứt khoát, đều đặn mới có thể thành công trong một bức họa. Thường chỉ vẽ bằng một màu mực đen. Đây là một phương pháp để người Thiền thể hiện sức định của tâm trí. Vẽ tranh thiền đặt con người ta vào mối quan hệ thực chất với thiên nhiên và vũ trụ mà không diễn tả bằng lời. Các bức tranh Thiền được vẽ để chỉ trạng thái tĩnh tâm của người tu Thiền.

Viết kinh Phật, thư pháp: Đặc tính của thư pháp Thiền là mực được làm từ nhọ đèn trộn với keo. Mực khi dùng được nhúng ướt và mài cho tới khi đạt được độ đậm nhạt vừa ý. Cọ từ lông thú, nhúng ướt và để cho khô trước khi dùng. Khi viết cọ được nhúng ngập trong mực, được giữ trong tư thế thẳng đứng với giấy và được viết với những nét cọ nhanh, chắc chắn và có độ dày khác nhau. Thư pháp viết kinh Phật không cho phép sai sót nên nó thể hiện trạng thái của tâm, các nét cọ và biến đổi theo cùng lúc và không dự đoán trước cũng như không tuân theo phép tắc nào.

Thưởng thức trà: Xây dựng không gian thưởng thức trà riêng, xây dựng trà thất, hoặc trong không gian vườn Thiền. Các thiền sư phải nắm bắt được cái tinh túy của trà đạo, nghệ thuật pha trà, nghệ thuật uống trà để chỉ dẫn cho du khách.

Tham gia học tập nghệ thuật nấu đồ chay và thưởng thức các bữa ăn chay: Trong trai đường, có thể mở lớp dạy nấu ăn chay nếu du khách có nhu cầu. Bữa cơm chay tại Thiền viện không chỉ là sự khám phá về nghi lễ ẩm thực của sự chay tịnh trong Phật giáo mà còn là một khám phá về tính khoa học trong các món chay thật tinh tế.

Trước mỗi bữa ăn, tất cả các nhà sư, tiểu tăng, cư sĩ làm lễ, trước là ơn Đức Phật, sau là tạ ơn Người đã cho họ được trọn vẹn thành tâm hướng thiện về Đức

Phật. Trong bữa ăn là một sự im lặng gần như tuyệt đối, tất cả dường như chỉ chú tâm vào việc ăn (với những người tu Thiền thì ăn là một cách nạp năng lượng như hít thở không khí, như một cách Thiền nên khi ăn không được tạo ra tiếng động, gây ảnh hưởng đến người khác). Sau bữa ăn cũng có một nghi lễ nhỏ để chấm dứt rồi dọn dẹp và bắt đầu một công việc tu Thiền khác trong ngày. Mâm cơm chay là sự tổng hòa của màu sắc, của hương vị và sự kết hợp hài hòa những chất bổ dưỡng từ các loài thực vật. Ngoài ra còn có thức uống từ các loại quả, mùa nào thức ấy. Trong bữa trưa ở thiền viện ít nhất có 6 món, gồm 3 đĩa và 3 bát có màu sắc rất đẹp mắt và ngon miệng. Và uống, một nghi thức uống được nấu từ nhiều loại lá rừng là những loại thuốc nam tránh gió, chống cảm mạo, hàn khí vào mùa rét, tăng cường sức đề kháng của cơ thể.

Như vậy có thể thấy đây là một loại hình du lịch có thể giúp con người, đặc biệt là những khách du lịch có tâm trạng mệt mỏi hay cảm thấy căng thẳng trong cuộc sống và công việc, hay những khách du lịch muốn đi tìm những trạng trái tĩnh lặng để thư giãn hay để được sống với cuộc sống thực tại của bản thân mình và quên đi cái tôi của quá khứ, cái tôi trong cộng đồng và cái tối của tương lai nhằm tìm cho mình những chân lý và triết lý của cuộc đời.

3.5. Kiến nghị với Nhà nước, Bộ Thể thao văn hóa và du lịch, Tổng cục du lịch và các cấp chính quyền:

Các hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tỉnh hội Phật giáo của từng địa phương theo quan điểm của các cấp chính quyền từ trước đến nay mang tính chất tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội nhiều hơn là mang tính du lịch như theo cách tiếp cận của loại hình du lịch này. Do vậy, với đặc tính của các cấp chính quyền, cơ sở quản lý di tích cũng chỉ tập trung vào việc làm thế nào để chỉnh trang điểm du lịch trên căn cứ di tích hiện có mà không có tầm nhìn xa để định hướng phát triển cho loại hình du lịch này. Do đó, người viết xin kiến nghị một số nội dung sau:

- Chính Phủ cần quan tâm đầu tư hơn nữa về cơ sở vật chất cho Thiền viện để nơi đây không chỉ là nơi tham quan, lễ Phật, mà còn để tu tập thiền định.

- Đầu mối tổ chức buổi làm việc của các doanh nghiệp lữ hành với trụ trì Thiền viện để thống nhất được chương trình cụ thể áp dụng thông qua và từ đó triển khai thành tuyến tour thực tế. Việc phối hợp này cần thực hiện chặt chẽ bởi việc bố trí các cao tăng giảng pháp không phải là thường xuyên và còn phụ thuộc vào các lịch tu tập và các khóa an cư của họ.

- Tăng cường học hỏi kinh nghiệm quốc tế về du lịch Thiền của các quốc gia đã có nhiều kinh nghiệm như: Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ... để áp dụng tại Thiền viện đặc biệt là các hình thức tổ chức Temple Stay của Hàn Quốc để phát triển du lịch Thiền theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường và vì sức khỏe của cộng đồng.

- Chỉ đạo chương trình hành động và năm du lịch Quốc gia với các chương trình cụ thể của tỉnh Quảng Ninh đối với loại hình du lịch mới này, trong đó có lộ trình và kế hoạch chi tiết cho các hạng mục, nội dung chương trình du lịch.

- Đẩy mạnh hoạt động đào tạo nhân viên nghiệp vụ du lịch hiểu biết về hoạt động du lịch Thiền, các hướng dẫn viên loại hình du lịch này không những chỉ am hiểu về mặt lý luận mà còn là người có thể thực hành và hỗ trợ các du khách trong việc tập thiền.

.....

Tiểu kết chương 3

Nhu cầu đi du lịch ngày càng tăng và đa dạng. Việc đưa ra loại hình du lịch hấp dẫn du khách không chỉ phụ thuộc vào tính đa dạng, độc đáo của tài nguyên du lịch điểm đến mà còn căn cứ vào thực trạng cơ sở vật chất - hạ tầng, hoạt động xúc tiến quảng bá của người làm du lịch, sự quan tâm của chính quyền địa phương... Đặc biệt du lịch Thiền lại là loại hình du lịch hoàn toàn mới mẻ ở Việt Nam. Làm thế nào để giới thiệu, thu hút du khách tham gia vào chương trình du lịch Thiền là một vấn đề rất cần thiết, từ đó đưa loại hình du lịch này ngày càng phát triển ở Việt Nam.

Trong chương 3, em đó đưa ra được một số giải pháp để phát triển du lịch Thiền tại Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử. Trong đó nhấn mạnh đến việc nâng cao nhận thức khai thác Zen tourism, tăng cường nguồn khách thông qua các hoạt động hướng dẫn thực hành Thiền để từ đó tạo ra nguồn cầu nội địa và đẩy mạnh việc học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia đã có nhiều kinh nghiệm đối với loại hình du lịch này.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu các điều kiện để phát triển du lịch Thiền tại Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử là một công trình nghiên cứu về vấn đề phát triển sản phẩm du lịch mới. Hình thức thực hiện loại hình đi du lịch này hoàn toàn mới lạ ở Quảng Ninh nói riêng và ở Việt Nam nói chung, mới chỉ có tính chất nghiên cứu ở các khía cạnh liên quan đến văn hóa hoặc tôn giáo mà chưa có nghiên cứu chính thức nào về các điều kiện và thực trạng phát triển loại hình du lịch này.

Đề tài đã đề cập đến cơ sở hình thành nên du lịch Thiền tại các quốc gia có hoạt động du lịch Thiền phát triển mạnh như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc... và so sánh các đặc điểm và điều kiện phát triển du lịch thiền tại Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, trong đó nhấn mạnh các yếu tố chung như khởi nguồn của thiền phái Trúc Lâm, mối liên hệ của tôn giáo này đối với hoạt động phát triển và duy trì du lịch Thiền.

Phát triển du lịch Thiền là một hướng phát triển mới cho sản phẩm du lịch Quảng Ninh, bổ sung vào danh mục các loại hình sản phẩm du lịch cần đầu tư, triển khai kinh doanh. Bên cạnh việc nổi tiếng với di tích - danh thắng Yên Tử, nơi đây còn hấp dẫn du khách bởi các sản phẩm du lịch đa dạng như du lịch văn hóa, tham quan, lễ hội... Kinh doanh và phát triển mạnh mẽ các loại hình du lịch này đã thúc đẩy sự tăng trưởng vượt bậc của du lịch tỉnh Quảng Ninh thông qua việc thu hút khách nội địa và du khách quốc tế đến Việt Nam với số lượng khách năm sau đều cao hơn năm trước. Việc hình thành nên loại hình du lịch mới này sẽ đem lại một sức sống mới cho ngành du lịch, góp phần vào phát triển du lịch Quảng Ninh nói riêng và du lịch Việt Nam bền vững, phát huy được đầy đủ bản sắc văn hóa dân tộc.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đoàn Trung Côn (2005), *Du lịch xứ Phật*, Nxb Tôn giáo 2005
2. Nguyễn Văn Đính (2008), *Kinh tế du lịch*, Nxb Đại học KTQD
3. Tế Hân - Ngọc Huy (2009), *Thiền trà và ăn chay*, Nxb Hà Nội
4. Vũ Ngọc Khánh (2008), *Lễ hội Việt Nam*, Nxb Thanh niên
5. Trường Tâm – Thanh Long (2008), *Đạo Phật đi vào cuộc sống*
6. Trần Đức Thanh (2005), *Nhập môn Khoa học du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
7. Thích Thanh Từ (2006), *Đạo Phật với tuổi trẻ*, Nxb Ton giáo
8. Thích Thanh Từ (2008), *Thiền Tông cuối thế kỷ 20*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh
9. Thích Thanh Từ (2007), *Bước đầu học Phật*, Nxb Tôn giáo
10. Bùi Thị Hải Yến (2007), *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục
11. Bùi Thị Hải Yến (2007), *Tài nguyên du lịch*, Nxb Giáo dục
12. Dennis L.Foster (2001), *Công nghệ du lịch*,. Nxb Thống kê
13. Avadhutika - Anandamitra Acarya (2007), *Yoga sức khỏe và hạnh phúc*
14. Đào Minh Ngọc, *Phát triển du lịch Thiền ở Việt Nam*, Tạp chí Du lịch số 5/2008
15. BS Đỗ Hồng Ngọc, *Thiền và sức khỏe*, Tạp chí văn hóa Phật giáo số 54/2008

PHỤ LỤC 1:

MỘT SỐ BÀI THƠ VỀ YÊN TỬ

Trúc Lâm Yên Tử

Đinh Thị Hồng Vân

Bảo Nhân Thoại

Con về thăm lại Trúc Lâm
Mà sao lòng những bâng khuâng nghẹn ngào.
Xưa kia rừng thẳm non cao
Trèo đèo lội suối mới vào được đây.
Bây giờ sừng sững ngất ngây
Trúc Lâm Thiền Viện giang tay đón chờ.
Những đàn con nhỏ của Cha
Về đõy tụ hội thật là đông vui.
Thiền Tông môn phái tuyệt vời
Qúy thầy răn dạy những lời vàng son.
Thưở xưa mất mất còn còn
Tính hơn tính thiệt lòng con rối bời.
Giờ đây bó đuốc sáng ngời
Rọi vào tâm trí con thời vui sao.
Ung dung nhẹ bước thẳng vào
"Thiền Tông trực chỉ" Thầy trao khóa vàng.

Yên Tử Thiền

Cao vút xa mờ ở hướng Đông
Đây đỉnh Yên Tử có phải không
Hơn bảy trăm năm qua rồi đó
Núi Trúc vua Trần rõ tánh không.

Đỉnh núi nghiêng nghiêng thế rồng bay
Đá chồng lớp lớp tựa mai vây
Lấp loáng trong mây rồng hiện ẩn
Mây vừa hé cửa rồng vụt bay.

Chênh vênh lổng chổng nhìn rất hay
Sương là mây lướt qua rừng cây
Xa tít trên cao Chùa Đồng đấy
Mái ngói đỏ tươi Trúc Lâm đây.

Qua bảy trăm năm lại gặp duyên
Quốc Phật bừng soi ngút khí thiêng
Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử mới
Phát huy mãi mãi một dòng thiền.

Vũ Thế Anh – PD Tuệ Minh Đức

Chùa Lân

Dòng Thiền Tông sống lại

Chùa Lân chốn Tổ dòng thiền...
Nhân Tông đặt móng xây nền từ xưa
Thăng trầm vận nước lâm nguy
Thiền Tông xứng đáng trị vì muôn dân
Thịnh suy Phật giáo thời Trần
Giặc Tàu, giặc Pháp muôn dân điêu tàn
Chùa chiền cảnh vật tan hoang
Tâm linh Phật giáo suy tàn "hồi lâu"
Việt Nam Phật pháp nhiệm mầu
Bồ Tát Quảng Đức đứng đầu tâm linh
Lửa hồng đượm cháy thân mình
Qủa tim hóa ngọc bình minh đêm tàn
Bắc Nam Phật giáo huy hoàng
Chùa xây dựng lại Tăng đoàn đông thêm
Hòa bình đất nước vươn lên
Sư ông tìm được pháp thiền "Chân không"
Bao năm Ngài trả tâm lòng
Đem thiền giảng dạy khắp vùng gần xa
Bắc Nam tu lại một nhà
Thiền Tông ánh sáng chan hòa nơi nơi
Duyên kia trở lại đúng thời
Trung Ương Giáo Hội nhận lời Sư Ông
Trùng tu sửa lại Chùa Lân
Dựng xây thiền viện thời Trần như xưa
Việc làm thỏa nguyện ước mơ

Nhân dân Phật tử đón chờ từ lâu
Yên Tử Tam Tổ nhiệm màu
Chùa Lân xây dựng đâu đâu cũng về
Chẳng từ thành thị thôn quê
Bắc Nam hải ngoại đều về dựng xây
Vừa tròn trong chín mười ngày
Chùa Lân thiền viện dựng xây hoàn thành
Tam quan chánh điện lung linh
Lầu chuông, lầu trống hiện hình hai bên
Phía sau nhà Tổ xây liền
Trưng bày, nhà khách hiện lên kịp thời
Nhâm Ngọ dấu mốc cho đời
Thiền Tông sống dậy khắp nơi hướng về
Sáu năm thoáng đã qua đi
Chùa Lân chốn tổ chuyên tu rõ ràng
Đêm ngày chuông mõ rền vang
Chư tăng tụ lại thành đoàn như xưa
Về đây ai cũng như mơ
Chùa Lân cảnh Phật đón chờ thập phương
Thiền Tông ánh sáng soi đường
Công ơn Hòa Thượng muôn phương tôn thờ
Ơn Ngài con viết thành thơ
Góp vào kỷ yếu tôn thờ trong tâm
Nguyện cầu Tam Tổ Trúc Lâm
Cho Thiền Tông được đúng tầm như xưa.

Minh Đăng

Muôn mãi thường còn

Ngàn năm duyên kiếp còn ghi lại
Dáng đứng hào hùng dáng Thiền sư !
Khi còn gánh vác việc non nước,
Thân mạng chẳng màng, lo đánh giặc
Vẹn toàn lãnh thổ, thắng Nguyên Mông
Giặc tan, trời đất yên bình
Việc đời, việc đạo vẹn tròn cả hai.
Mười lăm năm, ngôi Thái Thượng Hoàng
Nửa ngày tự tại an nhàn thân tâm.
Học Phật pháp uyên thâm mới thỏa,
Lo cho đời trọn vẹn mới thôi
Vua Anh Tông vững tay, thay việc nước,
Thái Thượng Hoàng cất bước chốn bồng lai
Làm Tăng sĩ, vào núi tu khổ hạnh,
Giác ngộ rồi, ngài truyền bá khắp nơi
Gương sáng đấy, đạo đời cùng soi học.
Nước non này hoan hỷ mãi khôn nguôi.
"Giáo hội Trúc Lâm vua giáo chủ
Thịnh cường Đại Việt sáng trời Nam.
Yên Tử linh sơn thành đất Phật
Nhất Tổ Trúc Lâm hóa mây vàng..."
Ngày nay muôn kiếp còn ghi lại
Trúc Lâm Yên Tử một nguồn thiền
Thấy vọng không theo là tỉnh sáng.
Hòa Thượng Ân Sư nối đuốc truyền !
Từ đây, tất cả trong muôn một
"Thẳng đến, chẳng đi" mãi thường còn.

Đỗ Thị Liên – PD Chân Nghĩa Hỷ

Nhờ Phật pháp soi đ□ờng

Con tuy được thân người
Có minh châu trong áo
Nhưng si mê tăm tối
Bị nghiệp thức dẫn lôi
Gieo nhân rồi gặt quả
Lặn lội trong sáu đường
Khổ đau theo nhau tới
Chỉ ngửa mặt kêu trời !

Con lên chùa lễ Phật
Gặp được thiện tri thức
Dẫn dắt đến Thiền tông
Nơi thiền viện Trúc Lâm
Được quý thầy quý cô
Giảng cho nghe Phật pháp
Gốc của sự luân hồi
Gây nên do tạo nghiệp
Nhiệm mầu thay chánh pháp
Được những bậc chân tu
Thắp đèn và mồi lửa
Giữ Phật pháp cho đời
Để tuệ đăng sáng ngời
Chúng con những cùng tử
Biết đường sáng quay về
Nhận minh châu trong áo.

Từ Châu

Tâm sáng

Xanh thẳm đường tùng xanh tháp cổ
Yên Sơn vời vợi Tổ - Thiền - Lâm
Bảy trăm năm, cõi thiên Yên Tử
Triệu tim hồng, tâm hướng Nhân Tông

Con thuyền tế độ hư không bến
Dòng suối luân hồi chở sắc không
Gió núi mưa ngàn nơi cứu thế
Chuông thiền thức tỉnh sáng thân tâm

Tùy duyên Phật độ người viên mãn
Uy phong vua Phật cõi trời Nam
Khuôn thiêng sóng ngọc thuyền Tam Tổ
Mở khóa vàng Lâm Trúc Niết Bàn

Bảy trăm năm cửa thiền Tam Bảo
Sơ Tổ Trúc Lâm tỏa ánh quang
Phật Bảo kính tôn Ngài thọ tịch
Rừng tùng Thiền Viện sáng Nhân Tông.

Lê Công Bằng - PD Huệ Thiện

PHỤ LỤC 2:

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ THIỀN VIỆN TRÚC LÂM YÊN TỬ

Toàn cảnh Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử

Chính điện Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử

Điện thờ Tam Tổ Trúc Lâm

Quả cầu Như Ý Báo Ân Phật

Lầu chuông

Lầu trống

Tháp Chân Nguyên

Khóa tu tập

PHỤ LỤC 3:

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ KHU DI TÍCH LỊCH SỬ - DANH THẮNG YÊN TỬ

Mây núi Yên Tử

Chùa Hoa Yên

Huệ Quang Kim Tháp

Chùa Đồng